

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

TRẦN THỊ BÍCH THỦY

**BẢO ĐẢM NGUYÊN TẮC TRANH TỤNG TRONG XÉT XỬ
CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ TỪ THỰC TIỄN XÉT XỬ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2017

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

TRẦN THỊ BÍCH THỦY

**BẢO ĐẢM NGUYÊN TẮC TRANH TỤNG TRONG XÉT XỬ
CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ TỪ THỰC TIỄN XÉT XỬ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Chuyên ngành : Luật hình sự và Tố tụng hình sự

Mã số: 60.38.01.02

LUẬN VĂN THẠC SỸ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

GS.TS VÕ KHÁNH VINH

HÀ NỘI - 2017

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ BẢO ĐẢM NGUYÊN TẮC TRANH TỤNG TRONG XÉT XỬ CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ	11
1.1. Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử các vụ án hình sự	11
1.2. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong xét xử các vụ án hình sự.....	13
1.3. Các vấn đề về bảo đảm của nguyên tắc tranh tụng trong xét xử các vụ án hình sự	17
Chương 2: THỰC TRẠNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VỀ ĐẢM BẢO NGUYÊN TẮC TRANH TỤNG TRONG XÉT XỬ CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	31
2.1. Thực trạng quy định của pháp luật tố tụng hình sự về bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong xét xử các vụ án hình sự	31
2.2. Thực tiễn thực hiện các quy định của pháp luật tố tụng hình sự về nguyên tắc tranh tụng trong xét xử các vụ án hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh	37
2.3. Đánh giá thực tiễn thực hiện các quy định của pháp luật tố tụng hình sự về nguyên tắc tranh tụng trong xét xử các vụ án hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh	39
Chương 3: HOÀN THIỆN CÁC BẢO ĐẢM CỦA NGUYÊN TẮC TRANH TỤNG TRONG XÉT XỬ CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ	52
3.1. Hoàn thiện các bảo đảm của nguyên tắc tranh tụng trong xét xử các vụ án hình sự	52
3.2. Nâng cao năng lực cán bộ	59
3.3. Các bảo đảm khác	65
KẾT LUẬN	74
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	75

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BLTTHS:	Bộ luật tố tụng hình sự
HĐXXX:	Hội đồng xét xử
KSV:	Kiểm sát viên
TAND:	Tòa án nhân dân
TTHS:	Tố tụng hình sự
VKSND:	Viện kiểm sát nhân dân

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Thực hiện chủ trương xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, vấn đề bảo đảm quyền con người và quyền công dân, đặc biệt là trong hoạt động tư pháp luôn được chú trọng. Tuy nhiên tình hình tội phạm, vi phạm pháp luật ở nước ta xảy ra nghiêm trọng, diễn biến phức tạp và ngày càng có chiều hướng gia tăng. Cùng với sự nỗ lực của toàn xã hội, các cơ quan tiến hành tố tụng đã có nhiều cố gắng trong công tác tư pháp nên đã góp phần quan trọng trong đấu tranh phòng chống tội phạm, vi phạm pháp luật, giữ vững an ninh - chính trị, trật tự an toàn xã hội. Tuy nhiên, chất lượng công tác tư pháp còn chưa ngang tầm với yêu cầu và nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao phó, còn bộc lộ nhiều yếu kém, nhiều nơi còn bỏ lọt tội phạm, xảy ra oan sai, xâm phạm đến các quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, của xã hội và của công dân, tạo nên dư luận xã hội không tốt, làm giảm lòng tin vào nền công lý xã hội chủ nghĩa.

Xuất phát từ những lý do nêu trên, Nghị quyết 48/NQ-TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật ở Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 đã nhấn mạnh: Cải cách mạnh mẽ các thủ tục tố tụng tư pháp theo hướng dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch, chặt chẽ nhưng thuận tiện, bảo đảm cho sự tham gia và giám sát của nhân dân đối với hoạt động tư pháp; bảo đảm chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, lấy kết quả tranh tụng tại tòa làm căn cứ quan trọng để phán quyết bản án, coi đây là khâu đột phá để nâng cao chất lượng hoạt động tư pháp. Nghị quyết 08/NQ-TW của Bộ Chính trị có hiệu lực từ ngày 02/01/2002 được xem như sự mở đầu cho công cuộc cải cách tư pháp ở nước ta.

Nghị quyết này đề cập nhiều nội dung khác nhau của công tác tư pháp từ hoạt động điều tra, truy tố xét xử cho đến việc đào tạo cán bộ Tư pháp, quy chế bổ nhiệm, miễn nhiệm, tăng cường yếu tố tranh tụng trong quá trình xét xử vụ án hình sự được coi là điểm nhấn của cải cách tư pháp và là vấn đề trọng tâm của Nghị quyết (nâng cao chất lượng công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa, bảo đảm tranh tụng dân chủ với Luật sư, Người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác).

Nghị quyết 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 khẳng định: “Nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan tư pháp, chất lượng tranh tụng tại tất cả các phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp; từng bước xã hội hoá một số hoạt động tư pháp, “Nghiên cứu việc chuyển Viện kiểm sát thành viện công tố, tăng cường trách nhiệm của công tố trong hoạt động điều tra”, “Hoàn thiện cơ chế bảo đảm để luật sư thực hiện tốt việc tranh tụng tại phiên tòa, đồng thời xác định rõ chế độ trách nhiệm đối với luật sư”. Những tư tưởng quan điểm trên một mặt xác định tranh tụng là một trong những nội dung quan trọng của cải cách tư pháp, đồng thời cũng được coi là định hướng và yêu cầu thúc đẩy việc nghiên cứu vấn đề bảo đảm tranh tụng trong hoạt động của Tòa án. Tinh thần nghị quyết đề cập chất lượng tranh tụng là nói đến mô hình tố tụng của Việt Nam. Mô hình tố tụng dân sự Việt Nam thể hiện rõ nét là tố tụng tranh tụng vì các bên trong vụ án dân sự có tranh chấp, xung đột pháp lý, vị trí, vai trò hai bên tranh tụng có khả năng và quyền như nhau trong tất cả các giai đoạn tố tụng,... thì mô hình tố tụng hình sự Việt Nam là mô hình tố tụng pha trộn trên cơ sở mô hình tố tụng thẩm vấn và tố tụng tranh tụng ở giai đoạn. Bộ luật Tố tụng hình sự Việt Nam năm 2003 thể hiện mô hình tranh tụng tại phiên tòa hình sự là rõ nét nhất.

Việc phán quyết của Tòa án phải căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhằm xác định sự thật vụ án, bảo đảm xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Khoản 5 Điều 103 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sửa đổi năm 2013) khẳng định: “Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm”. Mặc dù nguyên tắc tranh tụng trong Tố tụng hình sự đã được ghi nhận và từng bước được quy định trong Hiến pháp, luật pháp và đưa vào thực hiện, nhưng quyền lợi của người phạm tội, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác vẫn còn những dấu hiệu bị vi phạm. Vị trí, vai trò và chức năng của họ chưa được đánh giá một cách đúng đắn dẫn đến không được bảo đảm đầy đủ các quyền và lợi ích hợp pháp theo Hiến định và Luật định. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng này, tuy nhiên đáng chú ý hơn là việc các chủ thể tham gia tố tụng chưa nhận thức đầy đủ và chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong Tố tụng hình sự. Hiện nay chưa có công trình nào nghiên cứu một cách đầy đủ, có hệ thống và toàn diện về bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự theo yêu cầu cải cách tư pháp ở Việt Nam.

Tranh tụng tại phiên tòa, giữa một bên là người buộc tội và một bên là người gỡ tội. Trong giai đoạn xét xử thì Tòa án đóng vai trò là người phán quyết, nghiêm túc quan sát tuân thủ tranh tụng của hai bên, điều khiển phiên tòa, sự giám sát hội đồng xét xử thì ba chức năng buộc tội - bào chữa - xét xử đều được công khai. Thẩm phán đánh giá bằng niềm tin nội tâm dựa vào các tiêu chí đánh giá chứng cứ hợp lệ hay không để cùng hội đồng xét xử phán quyết. Tuy nhiên trên thực tế cũng có trường hợp thành viên hội đồng xét xử, cụ thể là thẩm phán có thói quen thực hiện lại việc thẩm định lại những chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra nên tích cực thẩm tra (xét hỏi) theo hướng chứng cứ có tại hồ sơ rất nhiều, làm lấn quyền công tố (buộc tội) của

kiểm sát viên giữ quyền công tố, làm cho họ mờ nhạt, thụ động không thể thực hiện chức năng của mình trước hội đồng xét xử, dễ làm đảo lộn vị trí pháp lý của chủ thể tố tụng hoặc giảm bớt thời gian tranh tụng tại phiên tranh luận của phiên tòa. Hội đồng xét xử vừa buộc tội, vừa là quyết định bị cáo có tội hay không và quyết định hình phạt nên sẽ khó bảo vệ lợi ích của cá nhân nên dễ dẫn đến oan sai, bỏ lọt người, lọt tội.

Đây là những lý do để tôi chọn đề tài: “Bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong xét xử các vụ án hình sự từ thực tiễn xét xử tại Thành phố Hồ Chí Minh” để nghiên cứu nhằm hoàn thiện không về mặt lý luận mà đòi hỏi phải phù hợp thực tiễn hiện nay.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Trước khi chọn đề tài này, bản thân đã nghiên cứu qua nhiều bài viết, công trình nghiên cứu của các nhà nghiên cứu pháp lý đã được công bố. Sơ lược về các thành tựu nghiên cứu như: Luận án tiến sĩ “Mô hình tố tụng hình sự Việt Nam và những vấn đề áp dụng tranh tụng” của tác giả Nguyễn Thị Thủy năm 2014. Các bài viết đăng trên Tạp chí khoa học pháp lý, tạp chí Viện kiểm sát, tạp chí Tòa án nhân dân: “Cải cách tư pháp và các giải pháp phòng, chống oan, sai trong tố tụng hình sự” của tác giả TS. Trịnh Tiến Việt năm 2012; “Mô hình tố tụng hình sự Việt Nam – Những vấn đề lý luận và thực tiễn” của tác giả Nguyễn Thái Phúc năm 2007; “Phương hướng hoàn thiện mô hình tố tụng hình sự Việt Nam” của tác giả Phạm Hồng Hải năm 2009; “Phương hướng hoàn thiện mô hình tố tụng hình sự Việt Nam” của tác giả Nguyễn Đức Mai năm 2009.

Đề tài “Bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong xét xử các vụ án hình sự từ thực tiễn xét xử tại Thành phố Hồ Chí Minh” là một công trình nghiên cứu chuyên sâu với phương pháp so sánh, phân tích, đánh giá những khiếm khuyết trong quá trình áp dụng thực tiễn theo quy định của pháp luật hình sự

Việt Nam. Từ việc nghiên cứu, tổng hợp giữa lý luận kết hợp với thực tiễn, tôi đề xuất và đưa ra giải pháp hoàn thiện pháp luật hình sự về các vấn đề lý luận Bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong xét xử các vụ án hình sự.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của công trình này nhằm làm rõ cơ sở lý luận, pháp lý và thực tiễn bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, làm rõ những yêu cầu cải cách tư pháp trong thời kỳ đổi mới, từ đó đề xuất các quan điểm, giải pháp bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong phiên tòa xét xử án sơ thẩm vụ án hình sự ở Việt Nam.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích của luận án, tác giả kế thừa có chọn lọc các kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học có liên quan và tiếp tục làm rõ một số vấn đề sau:

- Phân tích khái niệm bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự; khái niệm công cụ để đi đến nghiên cứu thực tiễn thực hiện pháp luật về bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Từ khái niệm bảo đảm nguyên tắc tranh tụng, tác giả tiếp tục nghiên cứu, làm rõ cơ sở lý luận về bảo đảm nguyên tắc tranh tụng bao gồm: nội dung, yêu cầu, vai trò và ý nghĩa của việc bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

- Bên cạnh đó, luận văn cũng làm rõ hơn yêu cầu cải cách tư pháp và điều kiện bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự và những kinh nghiệm bảo đảm nguyên tắc tranh tụng ở một số nước trên thế giới có giá trị tham khảo đối với Việt Nam.

- Luận văn tập trung nghiên cứu, đánh giá khái quát pháp luật Việt Nam về việc bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

- Phân tích, đánh giá thực trạng thực hiện pháp luật về bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự theo yêu cầu cải cách tư pháp ở Việt Nam, từ đó rút ra những ưu điểm, hạn chế bất cập và nguyên nhân của thực trạng đó để từ đó đề xuất những quan điểm và giải pháp phù hợp.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là những vấn đề lý luận về cải cách tư pháp, hoạt động xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, nguyên tắc tranh tụng và bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự theo yêu cầu cải cách tư pháp ở Việt Nam.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Đề tài luận văn tập trung nghiên cứu làm sáng tỏ một số vấn đề về bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự theo yêu cầu cải cách tư pháp ở Việt Nam.

- Hoạt động xét xử sơ thẩm vụ án hình sự trong phạm vi Thành phố Hồ Chí Minh bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

- Thời gian nghiên cứu giai đoạn từ 2003-2015 (từ khi ban hành Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 đến nay).

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận nghiên cứu

Đề tài được thực hiện trên cơ sở quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt

Nam về nhà nước, pháp luật, xây dựng Nhà nước pháp quyền, về cải cách tư pháp, lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật, pháp luật tố tụng hình sự, pháp luật tố tụng của một số nước trên thế giới và Việt Nam, thể hiện trong quá trình chỉ đạo đổi mới tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước nói chung và cải cách tư pháp nói riêng theo yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Mặt khác, đề tài tham khảo kinh nghiệm của một số nước trong thực hiện bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong xét xử vụ án hình sự để áp dụng vào hoàn cảnh thực tế của Việt Nam.

Trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lê nin, luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như: phương pháp hệ thống, phương pháp logic, phương pháp lịch sử, phương pháp thống kê, phân tích, phương pháp so sánh, tổng hợp để luận chứng các vấn đề tương ứng được nghiên cứu ở trên.

- Phương pháp hệ thống được sử dụng trong luận văn để phân loại và nghiên cứu nội dung các tài liệu, các văn bản quy phạm pháp luật về bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự ở Việt Nam và một số nước trên thế giới.

- Phương pháp logic là phương pháp nghiên cứu được sử dụng xuyên suốt quá trình thực hiện của luận văn, cơ sở lý luận về bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong tố tụng hình sự và những yêu cầu bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong điều kiện cải cách tư pháp, đánh giá thực trạng thực hiện bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, từ đó đưa ra quan điểm và giải pháp bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

- Phương pháp lịch sử thống kê, so sánh được sử dụng trong đánh giá thực trạng thực hiện bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự ở Việt Nam. Tác giả đưa ra những nhận xét về tình hình việc bảo

đảm nguyên tắc tranh tụng trong tố tụng hình sự dựa trên những nghiên cứu, phân tích điều kiện cụ thể của Việt Nam trong thời kỳ đổi mới, thực hiện cải cách tư pháp.

- Phương pháp phân tích, tổng hợp được sử dụng để phân tích khái niệm, nội dung, đặc điểm, vai trò và ý nghĩa của bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong xét xử sơ thẩm vụ án; các yêu cầu, điều kiện bảo đảm nguyên tắc tranh tụng, thực trạng thực hiện bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong tố tụng hình sự, phân tích những quan điểm và giải pháp bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng phép biện chứng của triết học Mác-xít vừa với tính cách là phương pháp luận, vừa với tính cách của một phương pháp nghiên cứu. Ngoài ra, Luận văn còn áp dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như: phương pháp phân tích và tổng hợp; phương pháp quy nạp và diễn dịch; mô tả; so sánh; lịch sử; thống kê; hệ thống; nghiên cứu hồ sơ và các phương pháp chuyên biệt khác của Luật hình sự và tố tụng hình sự.

Trong khi nghiên cứu về các mô hình tố tụng trên thế giới, tác giả chú trọng sử dụng phương pháp phân tích và so sánh nhằm tìm ra những kinh nghiệm về thực hiện bảo đảm nguyên tắc tranh tụng cho Việt Nam.

Trong phần nghiên cứu thực trạng thực hiện bảo đảm nguyên tắc tranh tụng ở Việt Nam, tác giả còn sử dụng phương pháp tổng hợp nhằm thu thập, tổng hợp các số liệu để chứng minh cho các luận giải của mình.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa lý luận

Về nghiên cứu khoa học: là nguồn tài liệu tham khảo để các sinh viên, học viên hoặc các chuyên viên pháp lý có nhu cầu nghiên cứu. Luận văn góp phần bổ sung lý luận về cải cách tư pháp mà trọng tâm là hoạt động xét xử; bổ

sung hoàn thiện lý luận về bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong hoạt động xét xử sơ thẩm vụ án hình sự của Tòa án nhân dân.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Về thực tiễn: luận văn đóng góp vào việc những hạn chế trong thực trạng quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật. Qua đó, luận văn đưa ra những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật trong thực tiễn. Thông qua thực tiễn hoàn thiện về lý luận khoa học.

Bản thân tác giả là thẩm phán Tòa án nhân dân cấp huyện, đã tham gia xét xử sơ thẩm nhiều vụ án hình sự. Từ các công trình khoa học và trải nghiệm của bản thân, những kiến nghị mà tác giả đưa ra vừa có ý nghĩa như một đề xuất mang tính khoa học, góp phần bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong phiên tòa xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự ở Việt Nam hiện nay, góp phần vào việc thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm, trong đó nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa xét xử mà Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 2/6/2005 của Bộ Chính trị coi là điểm nhấn của cải cách tư pháp.

Trong quá trình hoàn thiện luận án này tác giả đã nghiên cứu các tài liệu liên quan đến luận văn, những bài viết của các tác giả đăng trên các Tạp chí, các Sách, Tạp chí Tòa án nhân dân, Tạp chí VKS nhân dân, Nghị quyết 08/NQ-TW, Sách Chính trị quốc gia; Đề tài khoa học cấp Bộ; Thông tin khoa học xét xử; Tạp chí Dân chủ Pháp luật; Bình luận BLTTHS, các Báo cáo tổng kết hàng năm của Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, huyện ở một số địa phương.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài các phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận văn được kết cấu thành 3 chương:

Chương 1. Những vấn đề lý luận về bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong xét xử trong các vụ án hình sự.

Chương 2. Thực trạng quy định của pháp luật tố tụng hình sự về bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong xét xử trong các vụ án hình sự và thực tiễn thực hiện tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Chương 3. Hoàn thiện các bảo đảm của nguyên tắc tranh tụng trong xét xử trong các vụ án hình sự.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ BẢO ĐẢM NGUYÊN TẮC TRANH TỤNG TRONG XÉT XỬ CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ

1.1. Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử các vụ án hình sự

Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử là những quy định pháp luật tổ tụng hình sự có ý nghĩa chỉ đạo và thể hiện bản chất, mục đích tổ tụng xác định được việc tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong giai đoạn xét xử vụ án hình sự.

“Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được đảm bảo” được quy định tại khoản 5 điều 103 Hiến pháp năm 2013. Nguyên tắc này duy trì và phát huy những ưu điểm của mô hình tổ tụng thẩm vấn, đồng thời tham khảo kinh nghiệm quốc tế, tiếp thu có chọn lọc những hạt nhân hợp lý của mô hình tổ tụng tranh tụng, phù hợp với điều kiện cụ thể của nước ta. Nguyên tắc này đòi hỏi hoạt động xét xử phải bảo đảm tranh tụng giữa Kiểm sát viên, bị hại, nguyên đơn dân sự với bị cáo, người bào chữa, bị đơn dân sự, giữa các đương sự với nhau và những người này có quyền bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu và tranh luận dân chủ trước tòa án. Bản án, quyết định của Tòa án phải căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh tụng và những chứng cứ đã được kiểm tra, đánh giá tại phiên tòa.

Tòa án có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện theo quy định của Bộ luật để họ thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ trong việc tranh tụng. Mọi chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định vô tội, các tình tiết tăng nặng, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, áp dụng điều khoản của Bộ luật hình sự để xác định tội danh, quyết định mức hình phạt, mức bồi thường thiệt hại và các tình tiết khác có ý nghĩa giải quyết vụ án hình sự; các chứng cứ xác định yêu cầu khởi kiện hoặc phản tố trong các vụ án dân sự, hành chính đều phải được đối đáp, tranh luận, làm rõ tại phiên tòa.

Nguyên tắc là tư tưởng có giá trị làm nền tảng cho những thiết chế và hoạt động. Nguyên tắc trong một quan hệ pháp luật tố tụng là những tư tưởng pháp lý làm nền tảng, làm cơ sở cho việc xây dựng và thực thi pháp luật trong lĩnh vực tố tụng đó.

Điều 103 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm”. Có thể nói, đây là lần đầu tiên trong lịch sử lập hiến, tranh tụng được ghi nhận là một nguyên tắc. Tuy nhiên việc cụ thể hoá nguyên tắc tranh tụng trong Bộ luật Tố tụng hình sự như thế nào? Phạm vi điều chỉnh ra sao?... Nguyên tắc này có những nội dung gì? là những vấn đề đang được nghiên cứu, xây dựng của những nhà làm luật, của những cơ quan có thẩm quyền. Nhìn chung nguyên tắc tranh tụng có các nội dung cơ bản sau:

- Hoạt động xét xử phải bảo đảm tranh tụng giữa Kiểm sát viên với những người tham gia tố tụng khác; tranh tụng là trọng tâm của hoạt động xét xử.

- Các bên tranh tụng bình đẳng với nhau về quyền đưa ra tài liệu, chứng cứ, yêu cầu; đưa ra các luận điểm, luận cứ và luận chứng của mình; bình đẳng trong đối đáp, tranh luận, chứng minh, bác bỏ quan điểm lẫn nhau.

- Kiểm sát viên và người tham gia tranh tụng phải tranh tụng với tinh thần trách nhiệm, trên cơ sở chứng cứ khách quan và quy định của pháp luật; với tinh thần tôn trọng lẫn nhau, có văn hoá ứng xử.

- Bản án và quyết định của Toà án phải căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét toàn diện các luận điểm, luận cứ và luận chứng của các bên tranh tụng.

- Toà án có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện, thực thi các quy định của pháp luật theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự để các bên tham gia tranh tụng.

Như vậy, phạm vi điều chỉnh của nguyên tắc tranh tụng chủ yếu là tại phiên toà xét xử vụ án hình sự, bắt đầu từ khi Toà án mở phiên toà cho đến khi kết thúc phiên toà và tập trung trong phần tranh luận của Kiểm sát viên với những người tham gia tố tụng.

1.2. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong xét xử các vụ án hình sự

Theo Từ điển tiếng Việt, “tranh tụng” có nghĩa là kiện cáo lẫn nhau. Theo nghĩa Hán Việt thì thuật ngữ tranh tụng được ghép từ 2 từ “tranh luận” và “tố tụng”. Tranh tụng là tranh luận trong tố tụng. Trong tố tụng bao giờ cũng có sự tham gia của các bên có quyền và (hoặc) lợi ích trái ngược nhau yêu cầu Tòa án phân xử. Để có cơ sở cho Tòa án có thể phân xử, pháp luật quy định cho các bên tham gia tố tụng quyền khởi kiện vụ việc ra trước Tòa án, chứng minh và tranh luận để bảo vệ yêu cầu của mình. Như vậy, tranh tụng bao giờ cũng gắn liền với hoạt động tài phán của Tòa. Theo đó, tranh tụng là hoạt động của các bên tham gia xét xử đưa ra các quan điểm của mình và tranh luận lại để bác bỏ một phần hoặc toàn bộ quan điểm của phía bên kia, là cơ sở để Tòa án đánh giá toàn bộ nội dung vụ án và đưa ra phán quyết cuối cùng đảm bảo tính khách quan, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Mô hình tố tụng hình sự tranh tụng thường được áp dụng tại các nước có truyền thống án lệ. Mô hình này có những đặc điểm cơ bản sau đây:

- Có sự phân định rành mạch quyền và nghĩa vụ của các chủ thể thực hiện các chức năng cơ bản của Tố tụng hình sự. Tòa án giữ vai trò trung lập, làm trọng tài điều khiển sự tranh tụng giữa các bên.

- Vai trò của Luật sư bào chữa được tham gia từ rất sớm trong Tố tụng hình sự.

- Luật sư bào chữa có vai trò rất lớn trong việc thuyết phục Thẩm phán và Bồi thẩm đoàn đưa ra quyết định.

- Bị cáo thường được khuyến khích nhận tội để có thể được miễn truy tố hoặc giảm nhẹ hình phạt.

- Nguyên tắc phân quyền quy định Toà án là bộ phận độc lập tách rời khỏi hành pháp và tư pháp.

Mô hình này có những ưu điểm là phân định rõ quyền và nghĩa vụ của các chủ thể thực hiện các chức năng cơ bản của Tổ tụng hình sự; quyền của người bị buộc tội và của người bào chữa được mở rộng và triệt để được tôn trọng. Do vậy, nhiều người cho rằng mô hình tranh tụng có khả năng phòng chống oan, sai có hiệu quả.

Tuy nhiên, vấn đề tranh tụng vẫn còn có nhiều quan điểm, nhận thức khác nhau. Đến nay, chúng ta chưa có văn bản quy phạm pháp luật nào quy định cụ thể vấn đề “tranh tụng”. “Tranh tụng” là nguyên tắc hay một thủ tục trong tố tụng cũng chưa được xác định rõ ràng. Thuật ngữ “tranh tụng” chỉ mới được đề cập trong các văn bản của Đảng và trong các tài liệu hội thảo nên hiện còn nhiều cách hiểu, nhận thức về “tranh tụng”, ngay cả Bộ luật tố tụng hình sự cũng chỉ có quy định về tranh luận là một giai đoạn của xét xử mà chưa có quy định thế nào là “tranh tụng”.

Bản chất và mục đích yêu cầu của tranh tụng là quá trình xác định sự thật khách quan về vụ án, bảo đảm các phán quyết là đúng đắn và chính xác. Phiên tòa xét xử là cuộc điều tra công khai, thực hiện bằng lời nói gồm có phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, phần xét hỏi, phần tranh luận, nghị án và tuyên án. Tranh luận là giai đoạn các bên trình bày luận điểm của mình về những vấn đề đã được thẩm tra làm rõ ở giai đoạn trước, trên cơ sở đối chiếu với những quy định của pháp luật đề xuất hướng xử lý phù hợp. Kiểm sát viên trình bày quan điểm luận tội, tranh luận đối đáp về những vấn đề mà bị cáo, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác đưa ra; và ngược lại bị cáo hoặc người bào chữa trình bày lời bào chữa, ý kiến phản bác đối với luận tội, đối

đáp các ý kiến của kiểm sát viên và chủ thể khác có liên quan. Hội đồng xét xử là “ trọng tài ” điều hành việc tranh luận, đối đáp theo trình tự tố tụng nhằm làm rõ sự thật khách quan của vụ án. Như vậy, quá trình tranh tụng được tiến hành thông qua hoạt động của các chủ thể thuộc bên buộc tội, bên bào chữa và Tòa án với ba chức năng tương ứng: buộc tội, bào chữa và xét xử.

Tranh tụng là một dạng của mô hình tố tụng hình sự. Mục đích của tố tụng tranh tụng trong giai đoạn xét xử là bảo đảm sự tranh tụng công bằng. Mô hình tố tụng thẩm vấn được coi là dựa trên thuyết “sự thật” thì mô hình tố tụng tranh tụng được coi là dựa trên thuyết “đối kháng”.

Chức năng trong mô hình tố tụng tranh tụng được chia là 3 chức năng rõ rệt: chức năng buộc tội, chức năng bào chữa và chức năng xét xử. Tố tụng tranh tụng trong xét xử là cuộc đấu tranh tại Tòa án một bên là Nhà nước (thông qua đại diện) và một bên là công dân bị tình nghi thực hiện tội phạm, trong đó, hai bên đều sử dụng quyền và nghĩa vụ pháp lý như nhau trong việc thu thập, kiểm tra và đánh giá chứng cứ, phân tích và đưa ra kết luận với những vụ việc cụ thể. Sự thật vụ án được xác định trên cơ sở kết quả tranh tụng giữa hai bên buộc tội và gỡ tội.

Thực hiện nguyên tắc tranh tụng trong xét xử còn là cách thức nâng cao nhận thức, tạo ra môi trường dân chủ bình đẳng trong quan hệ tố tụng, buộc các chủ thể có thẩm quyền từ điều tra, truy tố, xét xử nâng cao năng lực, trình độ, hạn chế được chủ quan, duy ý chí trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, góp phần rất quan trọng để Tòa án xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, hạn chế tình trạng oan sai. Đồng thời, đây cũng là cách thức mà nền tư pháp tham gia bảo vệ quyền con người, quyền công dân một cách hữu hiệu nhất.

Áp dụng nguyên tắc tranh tụng trong xét xử là phù hợp với xu hướng quốc tế, bởi đa số các nước có nền dân chủ tiến bộ đều áp dụng nguyên tắc này với các mức độ và hình thức khác nhau. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa đóng góp phần lớn cho việc ban hành bản án, quyết định của Tòa án.

Nghiên cứu mô hình tố tụng tranh tụng có ý nghĩa to lớn về nhận thức. Kết quả của nó cho ta tri thức có tính hệ thống về mô hình. Nó giúp chúng ta thấy được vai trò của nó trong đời sống xã hội, mối quan hệ giữa mô hình này với mô hình tố tụng hình sự, nhà nước và pháp luật. Nghiên cứu nó cho ta thấy có ý nghĩa về phương pháp luận. Kết quả nghiên cứu của mô hình này là cơ sở khoa học cho việc xác định hướng giải quyết những nội dung cụ thể của mô hình tố tụng này, so sánh với mô hình tố tụng thẩm vấn, mô hình tố tụng pha trộn, hướng bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong xét xử vụ án hình sự nhằm hoàn thiện Bộ luật Tố tụng hình sự và tìm ra các giải pháp bảo đảm hiệu quả của chúng trong thực tiễn.

Từ những hướng nghiên cứu trên cho thấy để xác định sự thật khách quan của vụ án thì phiên tòa phải đảm bảo nguyên tắc tranh tụng, cần phải có những cơ chế, điều kiện nhất định để thực hiện:

Thứ nhất, tham gia vào quá trình tranh tụng bao giờ cũng phải có ba chủ thể của quan hệ tranh tụng.

Thứ hai, để việc tranh tụng đạt kết quả cao thì các bên buộc tội và gỡ tội phải có sự chuẩn bị kỹ càng, có trình độ năng lực cũng như đạo đức nghề nghiệp.

Thứ ba, có một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh và các điều kiện về cơ sở vật chất đảm bảo.

Như vậy, bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong xét xử có thể khái niệm như sau: Tranh tụng là hoạt động của các bên tham gia xét xử đưa ra các quan điểm của mình và tranh luận để bác bỏ một phần hoặc toàn bộ quan điểm của

phía bên kia. Đây là cơ sở để Tòa án đánh giá toàn bộ nội dung vụ án, đưa ra phán quyết cuối cùng, bảo đảm tính khách quan, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Nguyên tắc đảm bảo tranh tụng trong Hiến pháp tạo sự chuyển biến mạnh mẽ cả về nhận thức lẫn thực tiễn trong công tác xét xử. Pháp luật tố tụng hình sự hiện hành có nhiều quy định chứa đựng nội dung của nguyên tắc tranh tụng như quy định quy tắc đảm bảo quyền bào chữa của bị can, bị cáo, nguyên tắc suy đoán vô tội, nguyên tắc xác định sự thật vụ án, nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa. Khoản 5 Điều 103 Hiến pháp năm 2013 đã quy định rõ ràng nguyên tắc bảo đảm tranh tụng trong xét xử. Đây là một bước tiến lớn và phù hợp với tinh thần cải cách tư pháp của nhà nước ta.

1.3. Các vấn đề về bảo đảm của nguyên tắc tranh tụng trong xét xử các vụ án hình sự

Pháp luật TTHS Việt Nam hiện chưa ghi nhận các nguyên tắc tranh tụng là nguyên tắc cơ bản. Trên thực tế, để hoạt động tranh tụng được đảm bảo thực thi, BLTTHS 2003 ghi nhận một số nguyên tắc như: nguyên tắc: *“Không ai bị coi là có tội khi chưa có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật”* (Điều 9); nguyên tắc: *“Bảo đảm quyền bào chữa của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo”* (Điều 11); nguyên tắc: *“Thực hiện chế độ xét xử có Hội thẩm tham gia”* (Điều 15); *“Thẩm phán và Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật”* (Điều 16); nguyên tắc: *“Xét xử công khai”* (Điều 18); nguyên tắc: *“Bảo đảm quyền bình đẳng trước Tòa án”* (Điều 19)

Về vấn đề chủ thể thực hiện việc tranh tụng:

Chủ thể thực hiện việc tranh tụng tại Tòa án chủ yếu được diễn ra giữa bên buộc tội và bên gỡ tội.

Các chủ thể bên gỡ tội bao gồm bị can, bị cáo, người bào chữa. Tại Điều 50 BLTTHS quy định bị cáo có các quyền: được nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn;

quyết định đình chỉ vụ án; bản án, quyết định của Toà án; các quyết định tố tụng khác theo quy định của Bộ luật này; quyền được tham gia phiên tòa; được giải thích về quyền và nghĩa vụ... Đặc biệt, quyền “*trình bày ý kiến, tranh luận tại phiên tòa*” của bị cáo được nhấn mạnh tại điểm g, khoản 2, Điều 50 của bộ luật này.

Điều 58 BLTTHS năm 2003 quy định người bào chữa có quyền tham gia tố tụng ngay từ khi có quyết định tạm giữ trong trường hợp bắt người theo quy định tại Điều 81 và Điều 82 của bộ luật. Ngoài ra, việc tiếp tục ghi nhận các quyền cơ bản của người bào chữa, các quyền mới cho người bào chữa như các biên bản về hoạt động tố tụng và các quyết định tố tụng liên quan đến người mà mình bào chữa; đề nghị Cơ quan điều tra báo trước về thời gian, địa điểm hỏi cung bị can để có mặt khi hỏi cung bị can; sao chụp tài liệu trong hồ sơ vụ án liên quan đến việc bào chữa; được khiếu nại hành vi tố tụng của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng...

Nhằm bảo đảm cho họ có thể bảo vệ được các quyền và lợi ích hợp pháp của mình, BLTTHS năm 2003 đã chú trọng đến việc mở rộng tranh tụng tại phiên tòa với quy định bị đơn dân sự hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền “*trình bày ý kiến tranh luận tại phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn*” (điểm đ, khoản 2, Điều 53).

Quyền và nghĩa vụ của các chủ thể thuộc bên bào chữa còn được quy định tại một số điều luật khác như: Điều 10, Điều 24, Điều 62, Điều 201, Điều 207, Điều 212, Điều 215, Điều 247... BLTTHS

BLTTHS cũng quy định những quyền, nghĩa vụ pháp lý cụ thể của các chủ thể của chức năng buộc tội tại phiên tòa như Kiểm sát viên, người bị hại, nguyên đơn dân sự và người đại diện hợp pháp của họ,

Theo quy định của BLTTHS 2003 thì VKS có các quyền và nghĩa vụ sau: có trách nhiệm chứng minh tội phạm (Điều 10); áp dụng mọi biện pháp

hợp pháp để xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ; làm rõ những chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội; những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo; bảo đảm cho bị can, bị cáo thực hiện quyền bào chữa (Điều 11); giải thích và bảo đảm cho những người tham gia tố tụng thực hiện các quyền và nghĩa vụ (Điều 62); thu thập, xem xét và đánh giá chứng cứ (các Điều 65 và 66)

Điều 37 BLTTHS cũng quy định cụ thể về các hoạt động của KSV tại phiên tòa: *“đọc cáo trạng, quyết định của VKS liên quan đến việc giải quyết vụ án; hỏi, đưa ra chứng cứ và thực hiện việc luận tội; phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, tranh luận với những người tham gia tố tụng tại phiên tòa”*. Song song với việc thực hành quyền công tố, KSV tham gia phiên tòa còn có quyền *“kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động xét xử của Toà án, của những người tham gia tố tụng và kiểm sát các bản án, quyết định của Toà án”*.

Người bị hại, nguyên đơn dân sự tham gia tố tụng chỉ thực hiện chức năng buộc tội ở một mức độ nhất định. Để các chủ thể này có thể thực hiện chức năng của mình trong tố tụng hình sự, pháp luật quy định cho họ những quyền và nghĩa vụ tố tụng nhất định được quy định tại các Điều 51, Điều 52 BLTTHS như quyền *“trình bày ý kiến, tranh luận tại phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp”*; quyền *“khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng”*.

Trong tố tụng hình sự, hoạt động tranh tụng được thể hiện rõ nét trong phiên tòa sơ thẩm. Hoạt động tranh tụng được bắt đầu ngay từ phần thủ tục bắt đầu phiên tòa. Tại phần thủ tục sau khi kiểm tra căn cước của bị cáo, công bố thành phần những người tham gia tố tụng, giải thích quyền và nghĩa vụ của bị cáo, chủ tọa phiên tòa phải hỏi KSV và những người tham gia tố tụng xem có ai đề nghị triệu tập thêm người làm chứng hoặc đề nghị đưa thêm vật

chứng và tài liệu ra xem xét hay không. Nếu có người tham gia tố tụng vắng mặt thì chủ tọa phiên tòa cũng phải hỏi xem có ai đề nghị hoãn phiên tòa hay không. Nếu có người yêu cầu thì HĐXX xem xét và quyết định. Việc các bên đưa ra yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng hoặc đưa ra vật chứng, tài liệu mới để HĐXX xem xét chính là những đảm bảo cho việc xét hỏi và là cơ sở tranh luận ở phần tiếp theo của phiên tòa. Do vậy, có thể nói quá trình tranh tụng tại phiên tòa đã được bắt đầu ngay ở phần thủ tục. Trên thực tế, hoạt động tranh tụng tại phiên tòa bắt đầu rõ nét nhất bằng việc KSV đọc bản cáo trạng trong phần xét hỏi tại phiên tòa. Thủ tục xét hỏi được quy định tại Chương XX của Bộ luật TTHS.

Khoản 2, Điều 207 BLTTHS quy định: *“Khi xét hỏi từng người, chủ tọa phiên tòa hỏi trước rồi đến các Hội thẩm, sau đó đến KSV, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự. Những người tham gia phiên tòa cũng có quyền đề nghị với chủ tọa phiên tòa hỏi thêm về những tình tiết cần làm sáng tỏ. Người giám định được hỏi về những vấn đề có liên quan đến việc giám định”*.

Xét hỏi được xem là nền tảng của việc tranh tụng. Thông qua xét hỏi mới có cơ sở để xác định đầy đủ các tình tiết có ý nghĩa quan trọng của vụ án. Từ đó, các chủ thể của bên buộc tội và bên gỡ tội có cơ sở để bảo vệ quan điểm lập luận của mình. Việc xét hỏi đúng trọng tâm, cụ thể và chi tiết sẽ làm cho lập luận của các chủ thể vững chắc. Các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xét hỏi, thẩm định tại phiên tòa và sẽ thiếu tính thuyết phục nếu các chứng cứ đưa ra chỉ dựa trên hồ sơ mà không được thẩm định công khai tại phiên tòa. Việc tranh luận có thành công hay không phụ thuộc rất lớn vào việc xét hỏi công khai tại phiên tòa.

Thủ tục tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm được BLTTHS quy định từ Điều 217 đến Điều 221 BLTTHS. Đây là giai đoạn trung tâm của quá trình

tranh tụng. Trong phần này, trước sự chứng kiến của HĐXX, các bên buộc tội và gỡ tội, công khai thực hiện chức năng của mình bằng việc đưa ra các lý lẽ và lập luận để bảo vệ quan điểm của mình.

Điều 217 BLTTHS quy định: *“Luận tội của KSV phải căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa và ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa”*. Căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, KSV sẽ trình bày lời luận tội, đề nghị kết tội bị cáo theo toàn bộ hay một phần nội dung cáo trạng hoặc kết luận về tội nhẹ hơn; nếu thấy không có căn cứ để kết tội thì rút toàn bộ quyết định truy tố và đề nghị HĐXX tuyên bị cáo vô tội. Nhằm đảm bảo đúng đắn, chính xác và có sức thuyết phục, KSV phải tổng hợp, phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, xác định bốn yếu tố của cấu thành tội phạm, xem xét tính chất, mức độ và hậu quả của vụ án cũng như tính chất, mức độ của hành vi của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ để việc đề xuất mức án cho tội danh của bị cáo được chính xác.

Tiếp đến là lời buộc tội của vị đại diện VKS là những lập luận của bên bào chữa để gỡ tội. Hội đồng xét xử cho phép bị cáo trình bày lời bào chữa và tập trung vào lập luận truy tố của KSV đã đúng người, đúng tội, đúng pháp luật chưa. Nếu chưa thì ý kiến của người bào chữa là gì. Khi trình bày, người bào chữa cho bị cáo xem xét các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo. Người bào chữa của bị cáo cũng có quyền kiến nghị với HĐXX những đặc điểm về nhân thân, những tình tiết khác có lợi cho bị cáo để làm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Điều 46 BLHS. Tiếp theo, bị cáo có quyền bổ sung lời bào chữa. Người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hoặc người đại diện hợp pháp, người bảo vệ quyền lợi cho họ được trình bày ý kiến của họ về cách giải quyết vụ án.

Điều 218 BLTTHS năm 2003 quy định: “*Bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác có quyền trình bày ý kiến về luận tội của KSV và đưa ra đề nghị của mình; KSV phải đưa ra những lập luận của mình đối với từng ý kiến*”. Quy định này đã xác định rõ trách nhiệm đối đáp, tranh luận lại với bên bào chữa của KSV tại phiên tòa. Điều này phù hợp với tinh thần của Nghị quyết 08 - NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị: “kết quả tranh tụng” chính là cơ sở để HĐXX ra phán quyết.

Điều luật cũng quy định rõ: “*Chủ tọa phiên tòa có quyền đề nghị KSV phải đáp lại những ý kiến có liên quan đến vụ án của người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác mà những ý kiến đó chưa được KSV tranh luận*”. Tuy nhiên, trong trường hợp dù được đề nghị, KSV vẫn không tham gia tranh luận thì hậu quả pháp lý ra sao, chế tài được áp dụng như thế nào. Có nên xem việc không tham gia tranh luận, không đáp lại được lập luận của bên tham gia tranh tụng chính là sự thừa nhận, đồng tình với lập luận của họ hay không thì cho đến nay vẫn chưa có một văn bản pháp luật nào quy định hay hướng dẫn..

Điều 220 BLTTHS năm 2003 quy định: “*Sau khi những người tham gia tranh luận không trình bày gì thêm, chủ tọa phiên tòa tuyên bố kết thúc tranh luận. Bị cáo được nói lời sau cùng...*”. Quyền được nói lời sau cùng trước khi nghị án là một trong những bảo đảm pháp lý quan trọng để bị cáo thực hiện quyền bào chữa của mình, là quyền đặc thù mà pháp luật chỉ dành riêng cho bị cáo. Khi nói lời sau cùng, HĐXX không được đặt câu hỏi đối với bị cáo nhưng có quyền yêu cầu bị cáo không được trình bày những điểm không liên quan đến vụ án. HĐXX không được hạn chế thời gian nói lời sau cùng của bị cáo. Tuy nhiên HĐXX cũng cần phải nhắc bị cáo phát biểu ngắn gọn và không lặp lại dài dòng những ý kiến đã được tranh luận.

Tại phiên nghị án và tuyên án, Điều 222 BLTTHS đã chỉ rõ: “*các phán quyết của HĐXX phải dựa trên cơ sở các chứng cứ và tài liệu đã được kiểm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của KSV, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa*”. Nói cách khác, phán quyết của HĐXX phải dựa trên kết quả tranh luận bình đẳng giữa KSV, bị cáo với người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác có mặt tại phiên tòa.

Như vậy, có thể thấy rằng TTHS nước ta là tố tụng thẩm vấn nhưng đã đan xen các yếu tố tranh tụng trong quá trình tố tụng, nổi bật là tranh tụng tại phiên tòa.

Vấn đề tranh tụng và nâng cao chất lượng tranh tụng luôn được Đảng và Nhà nước ta quan tâm. Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới đã xác định: "... Nâng cao chất lượng công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa, bảo đảm tranh tụng dân chủ với luật sư, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác... Việc phán quyết của Tòa án phải căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng của phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ ý kiến của Kiểm sát viên, của người bào chữa, bị cáo, nhân chứng, nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền, lợi ích hợp pháp đề ra những bản án, quyết định đúng pháp luật, có sức thuyết phục và trong thời gian quy định". Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 cũng đã khẳng định: "Đổi mới việc tổ chức phiên tòa xét xử, xác định rõ hơn vị trí, quyền hạn trách nhiệm của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng theo hướng bảo đảm tính công khai, dân chủ, nghiêm minh, nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp". Nghị quyết 37/NQ-QH13 ngày 23/11/2012 của Quốc hội đã chỉ rõ: “ Kiểm sát viên phải chủ động, tích

cực tranh luận, đối đáp tại phiên tòa xét xử các vụ án hình sự... Tòa án nhân dân tối cao chỉ đạo các Tòa án tiếp tục đẩy mạnh việc tranh tụng tại phiên tòa”....

Thể chế hoá các quan điểm chỉ đạo trên, BLTTHS năm 2003 và các văn bản có liên quan tuy không quy định cụ thể nhưng cũng có nhiều quy định chứa đựng nội dung của nguyên tắc tranh tụng như: nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa, nguyên tắc đảm bảo quyền bào chữa của bị can, bị cáo, nguyên tắc suy đoán vô tội, nguyên tắc xác định sự thật vụ án, các quy định về quyền và nghĩa vụ của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng, các quy định về tranh luận tại phiên tòa. Trong đó, Điều 222 BLTTHS năm 2003 quy định: “Khi nghị án chỉ được căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa và người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa”.

Việc thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW, Nghị quyết số 49-NQ/TW và thực tiễn đã phản ánh những mặt đạt được từ hoạt động tranh tụng tại phiên tòa như: nâng cao vị trí vai trò của Kiểm sát viên, luật sư trong hoạt động TTHS, nâng cao chất lượng xét xử; nâng cao việc thực hiện quyền con người; nâng cao ý thức pháp luật cho nhân dân. Bên cạnh đó thực tiễn tranh tụng cũng phản ánh những mặt hạn chế như: tình trạng vi phạm các nguyên tắc cơ bản của TTHS, việc thực hiện các chức năng tố tụng còn nhiều bất cập, việc xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa chưa đáp ứng được yêu cầu tranh tụng... Nguyên nhân của những tồn tại hạn chế trên bao gồm nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan: do những hạn chế trong quy định của pháp luật, do trình độ chuyên môn và kỹ năng, đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư... từ đó đòi hỏi phải có quy định cụ thể nhằm chế hóa được đường lối, tư tưởng của Đảng về cải cách tư pháp.

Hiến pháp năm 2013 đã phản ánh một cách biện chứng những bước tiến trong nhận thức lý luận và kết quả thực tiễn của quá trình cải cách bộ máy nhà nước, dân chủ hóa đời sống chính trị - pháp lý nói chung, của công cuộc cải cách tư pháp đầy khó khăn, thách thức nói riêng trong suốt những năm qua ở nước ta. Hiến pháp năm 2013 đã dành riêng Điều 103 để quy định về các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của tòa án. Cả 7 khoản của Điều này đều có những nội dung mới, mang tính đột phá. Những nguyên tắc nền tảng đã được ghi nhận trong các bản Hiến pháp trước đây nay được bổ sung, phát triển phù hợp với các định hướng của Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Hiến pháp năm 2013 đồng thời tạo cơ sở hiến định cho các khâu đột phá của Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 về tổ chức và hoạt động xét xử của tòa án bằng việc bổ sung những nguyên tắc mới chưa được quy định trong các bản Hiến pháp trước, đó là nguyên tắc tranh tụng: “Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm” (khoản 5, Điều 103) nguyên tắc hai cấp xét xử: “Chế độ xét xử sơ thẩm, phúc thẩm được bảo đảm” (khoản 6, Điều 103).

Nhằm bảo đảm thực thi nguyên tắc tranh tụng, Hiến pháp năm 2013 đã hoàn thiện quy định về quyền bào chữa, quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức trong các quá trình tố tụng. Quy định này vừa là sự ghi nhận quyền con người phải được tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm trong tố tụng tư pháp, vừa là một phương thức bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong xét xử. Không những vậy, quyền bào chữa và phương thức thực hiện quyền bào chữa trong suốt quá trình tố tụng hình sự. Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử là rất quan trọng, đảm bảo sự bình đẳng giữa các chủ thể tham gia tố tụng, từ đó tăng cường tính minh bạch, công khai, nâng cao chất lượng hoạt động xét xử của Tòa án. Việc quy định này sẽ tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức của các chức danh tư pháp (Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán),

của công dân trong quá trình thực hiện các quyền năng khi tham gia tranh tụng. Đồng thời thực tiễn xét xử sẽ thay đổi với bước tiến mới trọng tâm là hoạt động tranh tụng được bảo đảm, công bằng và dân chủ.

Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị “về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới”, đã xác định: *“Nâng cao chất lượng công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa, bảo đảm tranh tụng dân chủ với Luật sư, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác. Khi xét xử, các Tòa án phải đảm bảo cho mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, thực sự dân chủ, khách quan, Thẩm phán và Hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; việc phán quyết của Tòa án phải căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa... để ra những bản án, quyết định đúng pháp luật, có sức thuyết phục và trong thời hạn luật định. Các cơ quan tư pháp có trách nhiệm tạo điều kiện để Luật sư tham gia vào quá trình tố tụng, tham gia hỏi cung bị can, nghiên cứu hồ sơ vụ án, tranh luận dân chủ tại phiên tòa...”*.

Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị “Về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020”, một lần nữa yêu cầu *“Nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan tư pháp, chất lượng tranh tụng tại tất cả các phiên tòa xét xử, coi đây là hoạt động đột phá của các cơ quan tư pháp...”*.

Nghị quyết số 37/2012/QH13 ngày 23/11/2012 của Quốc hội “về công tác phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm, công tác của Viện kiểm sát nhân dân, của Tòa án nhân dân và công tác Thi hành án năm 2013”, tiếp tục khẳng định *“Kiểm sát viên phải chủ động, tích cực tranh luận, đối đáp tại phiên tòa xét xử các vụ án hình sự... Tòa án nhân dân tối cao chỉ đạo các Tòa án tiếp tục đẩy mạnh việc tranh tụng tại phiên tòa”*.

Nghị quyết số 63/2013/QH13 ngày 27/11/2013 của Quốc hội “về tăng cường các biện pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm”, một lần nữa yêu cầu “...*nâng cao chất lượng tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa, chủ động tham gia xét hỏi, luận tội có căn cứ thuyết phục, đối đáp đầy đủ ý kiến của người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác...*”.

Như vậy, các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và quy định của Hiến pháp 2013 cho thấy khái niệm tranh tụng xuất hiện đầu tiên và chính thức là từ các Nghị quyết của Đảng về cải cách tư pháp, gần đây được Hiến pháp quy định. Đây không phải là một kiểu mô hình tố tụng mà là hoạt động tranh luận của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng trong tố tụng hình sự tại phiên tòa xét xử vụ án hình sự. Trong đó, Kiểm sát viên và người tham gia tố tụng dựa trên các tài liệu, chứng cứ; các quy định của pháp luật; trên cơ sở tư duy logic hình thức để đưa ra các luận điểm, luận cứ và luận chứng nhằm làm rõ sự thật khách quan của vụ án, không làm oan người vô tội.

Nhìn từ góc độ pháp lý, bản chất của tranh tụng bao gồm:

- Tranh tụng là hoạt động tố tụng hình sự nên hoạt động tranh tụng phải tuân theo các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Chủ thể của tranh tụng gồm có Kiểm sát viên và người tham gia tố tụng khác. Các chủ thể này bình đẳng với nhau trong quyền đưa ra chứng cứ, tài liệu, yêu cầu, quan điểm về giải quyết vụ án. Kiểm sát viên có thể tranh tụng với người bào chữa, với bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác để làm rõ sự thật khách quan của đối tượng tranh tụng.

- Hoạt động tranh tụng tại phiên tòa diễn ra dưới sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa. Chủ tọa phiên tòa có quyền yêu cầu các bên tiến hành tranh tụng hoặc chấm dứt tranh tụng, điều chỉnh nội dung cũng như phương pháp

tranh tụng cho phù hợp với quy định của pháp luật nhằm làm rõ các vấn đề của vụ án.

- Mục tiêu của hoạt động tranh tụng là nhằm làm rõ sự thật khách quan của vụ án.

- Đối tượng của hoạt động tranh tụng là các quan điểm, luận cứ và luận chứng của các bên đưa ra trong việc giải quyết vụ án.

- Cách thức tranh tụng là các bên chủ thể tranh tụng sử dụng các chứng cứ trong hồ sơ vụ án cũng như chứng cứ mới cung cấp đã được kiểm tra tại phiên tòa, các quy định của pháp luật hiện hành để làm rõ các đối tượng tranh tụng.

Nhìn từ góc độ hoạt động tư duy, nhận thức, bản chất của tranh tụng bao gồm:

- Tranh tụng được tiến hành trên cơ sở tư duy logic hình thức. Ở đó, các bên tranh tụng có thể sử dụng các kỹ năng tranh tụng khác nhau để khẳng định quan điểm của mình, bác bỏ quan điểm hoặc thừa nhận quan điểm của bên tranh tụng đối lập.

- Tranh tụng không chỉ là quyền, là trách nhiệm của các bên tham gia tranh tụng mà còn là một phần của sự thật khách quan của vụ án. Tranh tụng không chỉ là phương tiện để đạt được sự thật khách quan mà còn là một phần của sự thật khách quan của vụ án. Chân lý về vụ án phải tìm thấy, có được thông qua tranh tụng.

Kiểm sát viên là chủ thể chính của việc tranh tụng. Tranh tụng vừa là quyền, vừa là trách nhiệm của Kiểm sát viên. Kiểm sát viên tranh tụng nhằm mục đích bảo vệ tính đúng đắn, khách quan, tính hợp pháp và có căn cứ của quan điểm truy tố, nhằm bảo vệ sự thật khách quan của vụ án. Các luận điểm, luận cứ và luận chứng Kiểm sát viên nhằm bảo vệ quan điểm truy tố. Thông qua tranh tụng, Kiểm sát viên có thể phát hiện ra những nội dung bất hợp lý,

thiếu căn cứ hoặc không phù hợp pháp luật của quan điểm truy tố và xử lý các tình huống phát sinh nói trên theo quy định của pháp luật Tố tụng hình sự.

Hoạt động tranh tụng của Kiểm sát viên chủ yếu thực hiện tại phiên toà, tập trung ở giai đoạn tranh luận. Để tranh tụng tốt thì Kiểm sát viên phải thực hiện đầy đủ và có chất lượng việc xét hỏi, vì xét hỏi chính là để làm rõ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, làm rõ cơ sở để bảo vệ quan điểm truy tố hoặc bảo vệ tính đúng đắn của bản án sơ thẩm. Kiểm sát viên phải đáp ứng được các điều kiện bắt buộc để tranh tụng, phải thực hiện tốt nhiều hoạt động mang tính chất chuẩn bị trước khi tham gia phiên toà, phải có các kỹ năng nghiệp vụ khi tham gia tranh tụng, có tinh thần trách nhiệm, có lương tâm và danh dự nghề nghiệp.

Kết luận Chương 1

Như vậy, nguyên tắc tranh tụng trong xét xử là những quy định pháp luật tố tụng hình sự có ý nghĩa chỉ đạo và thể hiện bản chất, mục đích tố tụng xác định được việc tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong giai đoạn xét xử vụ án hình sự. Nguyên tắc này đã được quy định tại Hiến pháp và BLTTHS

Chủ thể thực hiện việc tranh tụng tại Toà án chủ yếu được diễn ra giữa bên buộc tội và bên gỡ tội. Mục tiêu của hoạt động tranh tụng là nhằm làm rõ sự thật khách quan của vụ án. Tranh tụng không chỉ là quyền, là trách nhiệm của các bên tham gia tranh tụng mà còn là một phần của sự thật khách quan của vụ án. Tranh tụng không chỉ là phương tiện để đạt được sự thật khách quan mà còn là một phần của sự thật khách quan của vụ án.

Kiểm sát viên là chủ thể chính của việc tranh tụng. Tranh tụng vừa là quyền, vừa là trách nhiệm của Kiểm sát viên nhằm bảo vệ sự thật khách quan của vụ án. Thông qua tranh tụng có thể phát hiện ra những nội dung bất hợp lý, thiếu căn cứ hoặc không phù hợp pháp luật của quan điểm truy tố và xử lý

các tình huống phát sinh nói trên theo quy định của pháp luật Tố tụng hình sự. Để tranh tụng cần phải thực hiện đầy đủ và có chất lượng việc xét hỏi, vì xét hỏi chính là để làm rõ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, làm rõ cơ sở để bảo vệ quan điểm truy tố hoặc bảo vệ tính đúng đắn của bản án sơ thẩm.

Qua 10 năm thi hành BLTTHS 2003, thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ chính trị (Nghị quyết số 08) và Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02-06-2005 của Bộ Chính trị (Nghị quyết số 49), thực tiễn đã phản ánh những mặt đạt được từ hoạt động tranh tụng tại phiên tòa như: nâng cao vị trí vai trò của luật sư trong hoạt động TTHS; nâng cao chất lượng xét xử; nâng cao việc thực hiện quyền con người; nâng cao ý thức pháp luật cho nhân dân. Bên cạnh đó thực tiễn tranh tụng cũng phản ánh những mặt hạn chế như: tình trạng vi phạm các nguyên tắc cơ bản của TTHS; việc thực hiện các chức năng tố tụng còn nhiều bất cập; việc xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa chưa đáp ứng được yêu cầu tranh tụng... Nguyên nhân của những tồn tại hạn chế trên bao gồm nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan, có thể kể đến là do những hạn chế trong quy định của pháp luật; do trình độ chuyên môn và kỹ năng, đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư... từ đó đòi hỏi phải có những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa, thể chế hóa được đường lối, tư tưởng của Đảng về cải cách tư pháp.

Chương 2

THỰC TRẠNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VỀ ĐẢM BẢO NGUYÊN TẮC TRANH TỤNG TRONG XÉT XỬ CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

2.1. Thực trạng quy định của pháp luật tố tụng hình sự về bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong xét xử các vụ án hình sự

Ngay từ khi mới ra đời, nền tư pháp của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà đã chịu ảnh hưởng rất nhiều của hệ thống tư pháp của Pháp, đó là mô hình tố tụng thẩm vấn. Sau đó vào giai đoạn những năm 1960, khi hệ thống tư pháp Việt Nam có sự cải cách cơ bản thì ngay trong hệ thống cơ quan tư pháp có sự phối hợp, ràng buộc lẫn nhau. Trong các giai đoạn TTHS, hoạt động tranh tụng của Luật sư mặc dù chưa được quy định phù hợp với thực tiễn xét xử, song do chịu nhiều ảnh hưởng của tố tụng tranh tụng nên Luật sư đã và đang chuyển dần từ vai trò của người hỗ trợ cho hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án để chuyển sang vai trò chính là người “gỡ tội”.

Những năm gần đây, đặc biệt kể từ sau khi có Nghị quyết số 08/NQ-TW, vấn đề tranh tụng trong TTHS nói riêng và tranh tụng trong các phiên toà được xem xét một cách khá toàn diện. Thực tiễn đang có hai luồng ý kiến khác nhau.

Ý kiến thứ nhất cho rằng: Cần phải chuyển mô hình tố tụng của Việt Nam sang mô hình tố tụng tranh tụng nhằm bảo đảm sự bình đẳng, khách quan trong quá trình tố tụng, phát huy yếu tố tranh tụng trong tất cả các khâu, các giai đoạn tố tụng từ giai đoạn bắt tạm giữ, tạm giam, điều tra thu thập chứng cứ đến giai đoạn xét xử, thậm chí kể cả giai đoạn thi hành án.

Nghiên cứu về ý kiến này, đại diện là Luật sư Phạm Hồng Hải, phó chủ tịch liên đoàn luật sư Việt Nam, trong bài viết: “Phương hướng hoàn thiện mô hình TTTHS Việt Nam”, tài liệu hội thảo khoa học Mô hình luật TTTHS Việt Nam tháng 12 năm 2009. Tác giả đã đi sâu vào phân tích theo Nghị quyết số 08/NQ-TW, Nghị quyết 48/NQ-TW và Nghị quyết 49/NQ-TW của Bộ Chính trị về cải cách tư pháp ở nước ta. Tác giả đã phân tích và đánh giá trên lịch sử tồn tại và phát triển của TTTHS Việt Nam qua các giai đoạn, tìm ra những ưu điểm và hạn chế của nó. Tác giả cũng nêu, hiện nay theo quy định của pháp luật ở Việt Nam có ba cơ quan tiến hành tố tụng là Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án tiến hành tố tụng đều thực hiện một nhiệm vụ là chứng minh tội phạm, tại Điều 10 của BLTTTHS hiện hành quy định “trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về Cơ quan tiến hành tố tụng”. Từ đó, tác giả đưa ra phương hướng hoàn thiện mô hình TTTHS Việt Nam trong thời gian tới là phải xây dựng TTTHS Việt Nam theo kiểu tranh tụng. Nhưng tác giả mới chỉ đưa ra phương hướng chung, chưa có phương hướng, nguyên tắc cụ thể theo kiểu tranh tụng và cũng chưa đi sâu về cơ sở lý luận, thực tiễn của mô hình TTTHS mà chỉ phân tích và đánh giá trên một phương hướng chuyển sang mô hình tố tụng tranh tụng.

Ý kiến thứ hai cho rằng: Ở Việt Nam, mô hình tố tụng thẩm vấn đã vận dụng và áp dụng mang lại nhiều hiệu quả thiết thực trong tổ chức và hoạt động điều tra, truy tố và xét xử, đặc biệt là ở lĩnh vực hình sự. Hơn nữa, trong tố tụng thẩm vấn đã bao hàm cả hoạt động tranh luận. Do đó, không cần thiết phải chuyển đổi mô hình tố tụng mà chỉ cần đưa nguyên tắc tranh tụng vào trong TTTHS sẽ nâng cao được chất lượng tranh luận giữa Kiểm sát viên và luật sư trong phiên tòa xét xử sẽ mang lại hiệu quả cao trong hoạt động tố tụng.

Quan điểm của TS Nguyễn Đức Mai, Thẩm phán Tòa án quân sự trung ương, trong bài tham luận: “Phương hướng hoàn thiện mô hình tố tụng hình sự Việt Nam” và một số công trình của các nhà khoa học dưới đây lại cho rằng:

- Tác giả Đỗ Ngọc Quang trong bài viết: “Phương hướng hoàn thiện mô hình TTHS Việt Nam”. Tác giả đã đi sâu và nghiên cứu về thực trạng mô hình TTHS Việt Nam, phân tích và đánh giá, đưa ra yếu tố chung nhất để phân biệt các mô hình TTHS dựa vào quy định của pháp luật TTHS về quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các chủ thể tố tụng khi thực hiện các hành vi tố tụng liên quan đến quá trình giải quyết vụ án, như quy định của pháp luật TTHS về quyền và nghĩa vụ của TP trong xét xử vụ án hình sự tại phiên tòa để xác định đó là tố tụng thẩm vấn hoặc là hình thức TTHS tranh tụng và tác giả đã đánh giá chung rằng đến nay chưa có mô hình tố tụng nào (tranh tụng, thẩm vấn) được coi là tối ưu, đưa ra được ưu điểm cơ bản, nhược điểm để vận dụng vào hoàn cảnh lịch sử và hiện tại của mỗi dân tộc, quốc gia. Để khắc phục những nhược điểm và học tập ưu điểm của nhau trong mỗi mô hình TTHS để xây dựng mô hình TTHS đan xen hay gọi là mô hình TTHS hỗn hợp.

Tác giả phân tích và đánh giá mô hình TTHS của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay mang đậm đặc điểm của mô hình TTHS thẩm vấn, phân tích các giai đoạn tố tụng và đề xuất hoàn thiện mô hình TTHS Việt Nam. Sửa đổi một số điều luật: Các Điều 1, 3, 4, 11, 13, 14, 17, 18, 23, 27, 56, 57, 80, 81, 88, 104, 107, 108, 119, 302, 304, 305 của BLTTHS và nhấn mạnh Nghị quyết 388/2003/NQ-UBTVQH ngày 17 tháng 3 năm 2003. Song tác giả cũng chưa làm rõ cơ sở lý luận, chưa đưa ra nguyên tắc cụ thể về hoàn thiện mô hình TTHS Việt Nam theo yêu cầu cải cách tư pháp ở Việt Nam.

- Tác giả Nguyễn Thái Phúc, cơ quan đại diện Bộ Tư pháp tại thành phố Hồ Chí Minh, trong bài viết: “Mô hình tố tụng hình sự pha trộn” cũng cho rằng ở Việt Nam cần kết hợp giữa mô hình tố tụng thẩm vấn, xét hỏi với mô hình tố tụng tranh tụng.

- Tác giả Dương Thanh Biểu trong: "Tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm", tác phẩm có nội dung phong phú và đa dạng, tìm hiểu, phân tích và làm rõ được quy trình tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm, có lập luận chặt chẽ, kết hợp và vận dụng nhuần nhuyễn kiến thức pháp luật, quy định pháp luật và các ví dụ minh họa sinh động. Tác giả đã làm rõ khái niệm, bản chất của tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở quan điểm của Đảng và Nhà nước, các quy định của pháp luật về tranh luận, mà nổi bật lên là vai trò của Kiểm sát viên với trách nhiệm là người thực hành quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm. Tác giả đã phân tích, chứng minh bằng những vụ án đã từng xảy ra để làm nổi bật tầm quan trọng của kỹ năng thực hành quyền công tố tại phiên tòa hình sự.

Theo quy định của Bộ luật hình sự năm 2003 thì Nhà nước giao cho Tòa án thực hiện chức năng buộc tội thể hiện tại các điều luật sau:

- Điều 10 BLTTHS quy định trách nhiệm của Tòa án xác định sự thật khách quan, điều này quy định hoạt động của Tòa án là một cơ quan xác định sự thật khách quan, Tòa án có trách nhiệm chứng minh tội phạm.

- Điều 104 BLTTHS quy định thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự của Tòa án.

- Điều 179 và Điều 199 BLTTHS quy định về trả hồ sơ điều tra bổ sung nếu khi phát hiện có những vi phạm nghiêm trọng về mặt thủ tục tố tụng và những vi phạm đó làm cản trở việc xét xử của Tòa án.

- Điều 196 BLTTHS quy định về xét xử khoản khác nặng hơn khoản Viện kiểm sát truy tố, làm bất lợi cho bị cáo, ảnh hưởng đến quyền bào chữa cho bị cáo.

- Điều 221 BLTTHS quy định quyền tiếp tục xét xử trong trường hợp Viện kiểm sát đã rút toàn bộ quyết định truy tố tại phiên tòa.

Ngoài ra, các quy định từ Điều 207 đến Điều 216 BLTTHS về thủ tục phiên tòa xét xử sơ thẩm cho thấy Tòa án có vai trò chủ động, tích cực trong phần xét hỏi chứng minh tội phạm tại phiên tòa, làm cho vai trò của đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố mờ nhạt. Trong khi đó, quy định phân tranh luận là sự đối trọng giữa bên buộc tội là Viện kiểm sát và bên gỡ tội là bị cáo, người bào chữa cho bị cáo. Tòa án là người phán quyết cuối cùng trên cơ sở kiểm tra tính xác thực, tính có liên quan, tính hợp pháp của chứng cứ có trong hồ sơ. Vì vậy, dễ dẫn đến tình trạng Thẩm phán điều khiển phiên tòa dành ít thời gian cho phân tranh luận hoặc cắt ngang ý kiến gỡ tội nhằm kết thúc sớm phiên tòa. Như thế, quyền tranh luận của bên gỡ tội sẽ không dân chủ, chưa tạo sự tranh tụng tại phiên tòa, cơ quan Tòa án giống như cơ quan buộc tội tại phiên tòa, Tòa án không đứng vai trò trung lập, xét xử theo truy tố của Viện kiểm sát, chưa phát huy cơ chế phản biện đối với sự cáo buộc của cơ quan chức năng. Hoạt động xét xử của cơ quan Tòa án mang tính tư duy pháp lý “suy đoán có tội”, tiềm ẩn nguy cơ sai sót trong quá trình xác định sự thật khách quan và chứng minh tội phạm.

Từ một số bất cập, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã có những sửa đổi, bổ sung như sau:

- Theo Bộ luật tố tụng 2003 thì không có thuật ngữ “yêu cầu Viện kiểm sát khởi tố...”. Tuy nhiên, tại khoản 4 Điều 153 BLTTHS năm 2015 quy định thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự “ Hội đồng xét xử ra quyết định khởi tố hoặc yêu cầu Viện kiểm sát khởi tố...”, điều này nhằm tránh sự xung đột giữa cơ quan Tòa án và cơ quan Viện kiểm sát.

- Điều 306 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã quy định thủ tục tranh tụng tại phiên tòa bắt đầu từ phần xét hỏi đến hết phần tranh luận, đây là một điểm mới, tiến bộ của Luật tố tụng.

- Theo quy định của Bộ luật tố tụng 2003 nếu Viện kiểm sát rút toàn bộ quyết định truy tố tại phiên tòa thì đình chỉ vụ án. Điều này không thể hiện được bản chất người bị tình nghi phạm tội có tội hay không, để có tư tưởng suy nghĩ người này có tội nhưng vì lý do khách quan nên không bị xét xử hay không bị tuyên phạt. Do vậy, Điều 320 BLTTHS năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung điều luật này, quy định trong trường hợp này Viện kiểm sát rút toàn bộ quyết định truy tố và đề nghị Tòa án tuyên bố bị cáo không có tội.

Tuy Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 hoàn thiện cơ bản một số bất cập nhưng trên thực tế cũng còn những vấn đề cần phải nghiên cứu như:

- Hiến pháp là đạo luật gốc, là văn bản pháp lý có hiệu lực cao nhất. Do vậy, khi Hiến pháp quy định về nguyên tắc bảo đảm tranh tụng thì những quy định trong Bộ luật, Luật, các văn bản dưới luật chưa rõ ràng, không thống nhất phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, tạo sự thống nhất trong việc vận dụng pháp luật, đặc biệt đòi hỏi cần xây dựng quy định cụ thể về phương thức bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong xét xử.

- Trong phần tranh luận tại phiên tòa, các bên buộc tội, gỡ tội tranh tụng nhiều vấn đề tuy nhiên cũng có trường hợp chỉ một vấn đề nhưng đối đáp nhiều lần. Chủ tọa phiên tòa không cắt những ý kiến này nên cũng có trường hợp xúc phạm nghề nghiệp của nhau (tuy không phổ biến).

- Hoạt động tranh tụng của luật sư được hiểu là tổng hợp các hoạt động và kỹ năng nghề nghiệp có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, diễn ra tại phiên tòa, dưới sự điều khiển của chủ tọa, nhằm mục đích thuyết phục Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của mình. Trên cơ sở đó, vai trò của luật sư trong hoạt động tranh tụng được hiểu là cách thức tác động và ý nghĩa xã hội của

luật sư trong quá trình thực hiện hoạt động tranh tụng, nhằm bảo đảm các mục đích bào chữa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của thân chủ, bảo vệ pháp chế, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật và giám sát hoạt động tư pháp. Khi tranh tụng với luật sư, một số kiểm sát viên thực hiện kỹ năng tranh tụng chưa thuyết phục, còn né tránh, có tâm lý e ngại tranh luận. Trong một số phiên tòa, khi luật sư, người bào chữa đưa ra ý kiến phản bác những chứng cứ buộc tội của kiểm sát viên và kiểm sát viên không thể đưa ra lời lẽ đối đáp, thậm chí có Kiểm sát viên phát biểu “giữ nguyên quan điểm như bản cáo trạng” mà không giải thích. Ngoài ra, vẫn còn tình trạng làm “Bản luận chứng” trình bày quan điểm gửi cho Hội đồng xét xử để xin vắng mặt buổi xét xử làm bất lợi cho người bị buộc tội trong diễn biến tại phiên tòa nếu xuất hiện chứng cứ mới. Có Kiểm sát viên còn đưa ra câu hỏi hời hợt, không theo diễn biến tình tiết của vụ án nên không nhận được sự đồng tình của những người tham gia tố tụng.

2.2. Thực tiễn thực hiện các quy định của pháp luật tố tụng hình sự về nguyên tắc tranh tụng trong xét xử các vụ án hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh

Ở Việt Nam hiện nay, nghiên cứu hoạt động tranh tụng được đặt trong tổng thể của việc nghiên cứu hệ thống TTHS. Bên cạnh đó, tranh tụng với ý nghĩa là một nguyên tắc của TTHS đòi hỏi các chủ thể tiến hành tố tụng, các cá nhân, cơ quan có liên quan phải có trách nhiệm bảo đảm cho hoạt động tranh tụng được thực hiện trên thực tiễn đúng theo quy định của pháp luật. Có bảo đảm tranh tụng công khai, khách quan, công bằng và trực tiếp giữa các bên buộc tội và gỡ tội dưới sự điều khiển công minh, chính trực của thì sự thật khách quan mới được làm sáng tỏ.

Thành phố Hồ Chí Minh là thành phố trung tâm của cả nước, dân cư đông đúc, là địa bàn phức tạp về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Trong những năm gần đây, tình hình vi phạm pháp luật và tội phạm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh diễn biến rất phức tạp, tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội và tội phạm ngày càng cao; có nhiều thủ đoạn, phương thức thực hiện tội phạm mới; xuất hiện nhiều loại tội phạm nguy hiểm như sử dụng súng, xăng để giết người, xuất hiện tội phạm cố ý gây thương tích manh nha có tính chất băng nhóm từ phía Bắc vào, từ các tỉnh miền tây lên, xuất hiện tội phạm chiếm đoạt, mua bán trẻ em... Nhất là tội giết người và các tội liên quan đến hiếp dâm, dâm ô trẻ em xảy ra hàng năm, năm sau tăng hơn năm trước. Trước những thách thức lớn đó, các cơ quan chức năng Thành phố Hồ Chí Minh, nhất là các cơ quan tư pháp đã phối hợp chặt chẽ, chủ động dự báo tình hình và kịp thời xây dựng chiến lược, đưa ra những biện pháp đấu tranh, phòng chống có hiệu quả cao đối với tội phạm và vi phạm pháp luật cũng như công tác phòng ngừa. Đồng thời trong công tác xét xử cũng chú trọng về nguyên tắc tranh tụng.

Thực tế cho thấy chất lượng tranh tụng của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian qua đạt hiệu quả cao, không có trường hợp nào oan, sai hoặc bỏ lọt tội phạm. Đây là kết quả của cả quá trình thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử nhưng quan trọng vẫn là do chất lượng tranh tụng tại phiên tòa được nâng cao; đảm bảo việc bảo vệ được quan điểm truy tố. Hầu hết, mức hình phạt đều nằm trong phạm vi đề nghị của Viện Kiểm sát, có một số ít trường hợp Hội đồng xét xử tuyên mức hình phạt cao hoặc thấp hơn mức đề nghị tuy nhiên vẫn đảm bảo quy định, tính nghiêm minh của pháp luật, mục đích giáo dục bị cáo cũng như mục đích phòng ngừa chung trong xã hội.

Theo báo cáo tại Hội nghị triển khai công tác hằng năm, Tòa Án Nhân Dân hai cấp tại Thành Phố Hồ Chí Minh luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ chính trị của ngành, của Tòa án, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp và các chỉ

tiêu, yêu cầu mà các Nghị quyết của quốc hội, văn bản của Tòa Án Nhân Dân tối cao đã đề ra. Cụ thể, trong năm 2015 Tòa Án Nhân Dân hai cấp tại Thành Phố Hồ Chí Minh đã thụ lý 57016 vụ án các loại, giải quyết 54563 vụ. Trong đó đưa ra xét xử lưu động 381 vụ, 523 bị cáo. Trong công tác giải quyết, xét xử các vụ án hình sự luôn đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không có trường hợp kết án oan người vô tội. Khắc phục triệt để tình trạng chậm chuyển giao bản án, quyết định, chậm tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị cáo và những người có liên quan. Nâng cao hiệu quả và chất lượng trong công tác xét xử. Đảm bảo phán quyết của Tòa án phải đúng pháp luật, đảm bảo quyền con người, quyền công dân, chú trọng, đẩy mạnh chất lượng tranh tụng tại phiên tòa.

2.3. Đánh giá thực tiễn thực hiện các quy định của pháp luật tố tụng hình sự về nguyên tắc tranh tụng trong xét xử các vụ án hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh

2.3.1. Thực tiễn thực hiện các quy định của pháp luật tố tụng hình sự về nguyên tắc tranh tụng trong xét xử các vụ án hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh

Tranh tụng tại phiên tòa phải đảm bảo tính dân chủ, công khai nhưng vẫn thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Mục đích của tranh tụng tại phiên tòa là làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án thông qua sự cọ xát giữa các lập luận, ý kiến. Vì vậy, yêu cầu của nó là bên buộc tội và bên gỡ tội chủ động tranh luận tại phiên tòa về từng chi tiết của vụ án. Tuy nhiên, trên thực tế tranh tụng tại phiên tòa hiện nay không có đủ các điều kiện và yêu cầu trên. Những khảo cứu lịch sử quy định của pháp luật tố tụng hình sự từ 1945 đến nay cho thấy hệ thống pháp luật hiện hành còn chưa cụ thể và chưa tạo ra cơ chế hoàn toàn đầy đủ cho quá trình tranh tụng của các bên: Thứ nhất, chưa tạo ra được sự trung lập, trọng tài của Hội đồng xét xử. Thứ hai, Kiểm sát

viên và Luật sư vẫn chưa có vị thế bình đẳng với nhau. Thứ ba, những cơ chế bắt buộc, đảm bảo thực hiện tranh tụng với các bên tham gia tranh tụng. Thứ tư, có những văn bản quy định khá hoàn chỉnh và chi tiết về tranh tụng tại phiên tòa (một số gợi ý của Ban chỉ đạo cải cách tư pháp về việc tổ chức phiên tòa hình sự theo tinh thần Nghị quyết 08/NQ-TW, Kết luận số 290 của Tòa án nhân dân tối cao về hội thảo "Tranh tụng tại phiên tòa hình sự") nhưng lại không có tính pháp lý bắt buộc đối với mọi chủ thể tham gia vào quá trình tranh tụng. Và như vậy, thực tiễn tranh tụng tại phiên tòa còn diễn ra hình thức và hời hợt, nhiều khi vi phạm tinh thần tranh tụng đã được nêu trong Nghị quyết 08/NQ-TW dẫn đến việc xét xử còn nhiều sai sót nhiều bản án phải hủy, sửa. Những nguyên nhân và tồn tại đó đang là những đòi hỏi cấp bách phải có những giải pháp đúng đắn và đồng bộ để tranh tụng tại phiên tòa thực sự được diễn ra hiệu quả nhất trên thực tế.

Việc chuẩn bị hồ sơ trước khi tham gia phiên tòa là việc làm hết sức cần thiết, tất cả các bản luận tội tại phiên tòa đều đáp ứng được yêu cầu như nêu tóm tắt được nội dung vụ án, viện dẫn chứng cứ chứng minh khẳng định được tính có căn cứ của quyết định truy tố, phân tích được nguyên nhân, động cơ, điều kiện phạm tội, hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; phân tích vai trò, tính chất hành vi phạm tội của từng bị cáo, đánh giá được nhân thân, nêu và đánh giá đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; nhận định, phân tích căn cứ giải quyết việc bồi thường, xử lý vật chứng.

Việc bổ sung và trình bày luận tội tại phiên tòa cũng là vấn đề quan trọng, nhiều Kiểm sát viên rèn luyện tác phong chững chạc, tự tin, cách trình bày quan điểm mềm dẻo, thấu tình đạt lý, thái độ đúng mực. Nhiều phiên tòa, dư luận, báo chí và người tham dự phiên tòa đánh giá cao năng lực, trình độ của Kiểm sát viên thông qua việc xây dựng, trình bày bản luận tội.

Hoạt động xét hỏi tại phiên tòa là một trong những hoạt động quan trọng có tính quyết định đến kết quả giải quyết vụ án. Kiểm sát viên xét hỏi nhằm kiểm tra tính có căn cứ của quyết định truy tố của Viện Kiểm sát, để có cơ sở tranh luận với Luật sư và những người tham gia tố tụng khác. Do vậy, việc xét hỏi đã được Kiểm sát viên chủ động thực hiện, hầu hết các vụ án đều tích cực tham gia xét hỏi.

Kiểm sát viên tham gia xét hỏi trong các trường hợp: Hội đồng xét xử chưa hỏi đến, hỏi về vấn đề có mâu thuẫn chứng cứ, hỏi về vấn đề tuy đã được Hội đồng xét xử hỏi nhưng chưa rõ và hỏi để chuẩn bị cho tranh tụng. Việc xét hỏi để chuẩn bị cho tranh tụng là trường hợp qua nghe người bào chữa hỏi bị cáo, người bị hại, Kiểm sát viên đã dự đoán ra những vấn đề, những tình huống mà người bào chữa sẽ dựa vào để tranh luận. Do vậy, Kiểm sát viên xét hỏi về những vấn đề cần thiết, qua đó làm cơ sở để khi tranh luận sẽ sử dụng những tình tiết mới được xét hỏi, kiểm tra để làm cơ sở tranh luận với Luật sư.

Như vậy, pháp luật mới được thực hiện nghiêm minh, mới bảo vệ được quyền con người, quyền công dân. Hoạt động tranh tụng từ đó đòi hỏi phải được đặt trong tổng thể các quy định của pháp luật.

Tranh tụng tại phiên tòa phải đảm bảo tính dân chủ, công khai nhưng vẫn thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Mục đích của tranh tụng tại phiên tòa là làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án thông qua sự cọ xát giữa các lập luận, ý kiến. Vì vậy, yêu cầu của nó là bên buộc tội và bên gỡ tội chủ động tranh luận tại phiên tòa về từng chi tiết của vụ án. Tuy nhiên, trên thực tế tranh tụng tại phiên tòa hiện nay không có đủ các điều kiện và yêu cầu trên. Những khảo cứu lịch sử quy định của pháp luật tố tụng hình sự từ 1945 đến nay cho thấy hệ thống pháp luật hiện hành còn chưa cụ thể và chưa tạo ra cơ chế hoàn toàn đầy đủ cho quá trình tranh tụng của các bên: Thứ nhất, chưa

tạo ra được sự trung lập, trọng tài của Hội đồng xét xử. Thứ hai, Kiểm sát viên và Luật sư vẫn chưa có vị thế bình đẳng với nhau. Thứ ba, những cơ chế bắt buộc, đảm bảo thực hiện tranh tụng với các bên tham gia tranh tụng. Thứ tư, có những văn bản quy định khá hoàn chỉnh và chi tiết về tranh tụng tại phiên tòa (một số gợi ý của Ban chỉ đạo cải cách tư pháp về việc tổ chức phiên tòa hình sự theo tinh thần Nghị quyết 08/NQ-TW, Kết luận số 290 của Tòa án nhân dân tối cao về hội thảo "Tranh tụng tại phiên tòa hình sự") nhưng lại không có tính pháp lý bắt buộc đối với mọi chủ thể tham gia vào quá trình tranh tụng. Và như vậy, thực tiễn tranh tụng tại phiên tòa còn diễn ra hình thức và hời hợt, nhiều khi vi phạm tinh thần tranh tụng đã được nêu trong Nghị quyết 08/NQ-TW dẫn đến việc xét xử còn nhiều sai sót nhiều bản án phải hủy, sửa. Những nguyên nhân và tồn tại đó đang là những đòi hỏi cấp bách phải có những giải pháp đúng đắn và đồng bộ để tranh tụng tại phiên tòa thực sự được diễn ra hiệu quả nhất trên thực tế.

Việc chuẩn bị hồ sơ trước khi tham gia phiên tòa là việc làm hết sức cần thiết, tất cả các bản luận tội tại phiên tòa đều đáp ứng được yêu cầu như nêu tóm tắt được nội dung vụ án, viện dẫn chứng cứ chứng minh khẳng định được tính có căn cứ của quyết định truy tố, phân tích được nguyên nhân, động cơ, điều kiện phạm tội, hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; phân tích vai trò, tính chất hành vi phạm tội của từng bị cáo, đánh giá được nhân thân, nêu và đánh giá đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; nhận định, phân tích căn cứ giải quyết việc bồi thường, xử lý vật chứng.

Việc bổ sung và trình bày luận tội tại phiên tòa cũng là vấn đề quan trọng, nhiều Kiểm sát viên rèn luyện tác phong chững chạc, tự tin, cách trình bày quan điểm mềm dẻo, thấu tình đạt lý, thái độ đúng mực. Nhiều phiên tòa, dư luận, báo chí và người tham dự phiên tòa đánh giá cao năng lực, trình độ của Kiểm sát viên thông qua việc xây dựng, trình bày bản luận tội.

Hoạt động xét hỏi tại phiên tòa là một trong những hoạt động quan trọng có tính quyết định đến kết quả giải quyết vụ án. Kiểm sát viên xét hỏi nhằm kiểm tra tính có căn cứ của quyết định truy tố của Viện Kiểm sát, để có cơ sở tranh luận với Luật sư và những người tham gia tố tụng khác. Do vậy, việc xét hỏi đã được Kiểm sát viên chủ động thực hiện, hầu hết các vụ án đều tích cực tham gia xét hỏi.

Kiểm sát viên tham gia xét hỏi trong các trường hợp: Hội đồng xét xử chưa hỏi đến, hỏi về vấn đề có mâu thuẫn chứng cứ, hỏi về vấn đề tuy đã được Hội đồng xét xử hỏi nhưng chưa rõ và hỏi để chuẩn bị cho tranh tụng. Việc xét hỏi để chuẩn bị cho tranh tụng là trường hợp qua nghe người bào chữa hỏi bị cáo, người bị hại, Kiểm sát viên đã dự đoán ra những vấn đề, những tình huống mà người bào chữa sẽ dựa vào để tranh luận. Do vậy, Kiểm sát viên xét hỏi về những vấn đề cần thiết, qua đó làm cơ sở để khi tranh luận sẽ sử dụng những tình tiết mới được xét hỏi, kiểm tra để làm cơ sở tranh luận với Luật sư.

Tuy nhiên trên thực tế vẫn còn những tồn tại, hạn chế trong tranh tụng tại phiên tòa như:

Một số vụ án công tác chuẩn bị cho hoạt động xét xử của Kiểm sát viên chưa thật sự tốt, ảnh hưởng đến chất lượng tranh tụng tại phiên tòa. Hiệu quả công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa phụ thuộc rất lớn vào quá trình nghiên cứu, xây dựng hồ sơ, chuẩn bị các nội dung cần thiết như đường lối xét xử, đề cương xét hỏi, dự thảo luận tội, dự kiến các tình huống có thể phát sinh tranh luận tại phiên tòa và các việc khác phục vụ cho phiên tòa. Tuy nhiên còn một số phiên tòa các kiểm sát viên chưa chuẩn bị đủ các tài liệu phục vụ cho việc tranh tụng, trích cứ không đầy đủ, thiếu trích dẫn các chứng cứ quan trọng, việc sắp xếp thứ tự thiếu khoa học đã ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng của một số phiên tòa.

Một số phiên tòa chất lượng xét hỏi chưa cao. Xét hỏi là thủ tục tố tụng tại phiên tòa nhằm kiểm tra công khai các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, làm rõ các mâu thuẫn của các chứng cứ cũng như để kiểm tra các chứng cứ mới được cung cấp tại phiên tòa. Về trình tự xét hỏi, Điều 207 Bộ luật Tố tụng hình sự quy định Chủ tọa phiên tòa hỏi trước, đến Hội thẩm, Kiểm sát viên và sau đó là những người tham gia tố tụng khác như Luật sư bào chữa... Do vậy, khi đến lượt Kiểm sát viên tham gia xét hỏi thì có hai khả năng xảy ra: Khả năng thứ nhất là Hội đồng xét xử đã xét hỏi rất kỹ về các vấn đề của vụ án; khả năng thứ hai là Hội đồng xét xử chỉ hỏi sơ sài, còn nhiều vấn đề chưa được làm rõ. Vì vậy, cần xác định rõ việc Kiểm sát viên tham gia xét hỏi tại phiên tòa là để làm rõ những vấn đề của vụ án nhằm để có cơ sở bảo vệ hoặc kiểm tra quan điểm truy tố thể hiện trong cáo trạng. Vì vậy, về nguyên tắc, Kiểm sát viên có trách nhiệm tham gia xét hỏi để làm rõ những vấn đề mà Hội đồng xét xử chưa hỏi; hoặc Hội đồng xét xử đã xét hỏi nhưng chưa làm rõ; hoặc hỏi về những vấn đề có mâu thuẫn giữa chứng cứ trong hồ sơ với lời khai tại phiên tòa mà chưa được làm rõ. Ngoài ra, Kiểm sát viên có thể xét hỏi để khái quát, tổng hợp lại và khẳng định lại các vấn đề đã được xét hỏi tại phiên tòa để làm cơ sở cho việc bảo vệ quan điểm của mình. Trên thực tế, còn một số trường hợp Kiểm sát viên có tham gia hoạt động xét hỏi nhưng chất lượng chưa cao; chưa tập trung chú ý theo dõi, ghi chép việc xét hỏi của Hội đồng xét xử nên hỏi lặp lại, hỏi về những vấn đề không trọng tâm, không có mâu thuẫn hoặc chưa những vấn đề làm rõ về nhân thân, sự ăn năn hối cải để có cơ sở đề nghị áp dụng các tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Chất lượng tranh tụng trong nhiều phiên tòa còn hạn chế, chưa thực sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp do bị cáo không tranh luận, không có luật sư bào chữa. Một số phiên tòa Kiểm sát viên chưa chủ động xét hỏi; việc ghi

chép, theo dõi các thông tin, tình tiết mới phát sinh tại phiên tòa chưa đầy đủ dẫn đến việc tranh luận, xét hỏi, đề xuất quan điểm giải quyết vụ án chưa toàn diện.

Thực tế hiện nay, có rất ít bị cáo có luật sư bào chữa hoặc nếu có thì hầu hết là luật sư chỉ định đối với những bị cáo là người chưa thành niên, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất (theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 57 của BLTTHS năm 2003). Nếu không có luật sư bào chữa thì hầu hết các bị cáo không có ý kiến tranh luận. Luật sư chỉ định thì gần như chỉ phát biểu những tình tiết xin giảm nhẹ hình phạt hoặc phát biểu không trọng tâm, vấn đề đưa ra tranh luận không rõ ràng, không có ý nghĩa trong việc giải quyết vụ án. Sau khi Kiểm sát viên có ý kiến đối đáp thì luật sư không có ý kiến phản hồi.

- Thu thập chứng cứ: Bị cáo bị tạm giam thì không thể thu thập chứng cứ được, không có văn bản chứng minh mình vô tội hoặc hạn chế tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi mình,... để tranh luận tại phiên tòa. Cần quy định yêu cầu thu thập bằng chứng của những người bị buộc tội nếu họ không tự thu thập được bởi vì các cơ quan tiến hành tố tụng thu thập theo trình tự thủ tục tố tụng theo pháp luật không có gì khó nhưng đối với người bào chữa cũng như bị can, bị cáo thì họ bị hạn chế về quyền thu thập chứng cứ có lợi cho mình ngoài những chứng cứ các cơ quan tiến hành tố tụng đã thu thập.

Thực tiễn thực hiện tranh tụng tại phiên tòa xét xử các vụ án hình sự những năm qua cho thấy:

* Đối với hội đồng xét xử và chủ tọa phiên tòa:

- Trong phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, Hội đồng xét xử đã bảo đảm quyền cung cấp tài liệu, chứng cứ và yêu cầu triệu tập người làm chứng, đồ vật, tài liệu ra xem xét hoặc việc xác định tư cách tham gia tố tụng. Các tài liệu, chứng cứ được cung cấp, triệu tập thêm người làm chứng hoặc ý kiến

khác nhau về xác định tư cách tham gia tổ tụng của một người đều được Hội đồng xét xử công khai, thẩm tra để làm rõ từ đó có hướng xử lý đúng đắn.

- Trong xét hỏi đã thẩm tra đầy đủ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ và công khai tài liệu tại phiên tòa, chú trọng vấn đề còn mâu thuẫn để hướng trọng tâm thẩm tra bảo đảm cho việc ban hành bản án, quyết định sau này.

Ví dụ: Vụ án Nguyễn Văn A bị xét xử về tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ. Trong vụ án có hai bị cáo khác bị truy tố về tội cản trở giao thông đường bộ. Khi xét hỏi, hội đồng xét xử đã tập trung thẩm tra xác định được hai bị cáo này là công nhân của đơn vị thi công công trình đường bộ được giao trách nhiệm quản lý bảo đảm an toàn trong thi công công trình, có dấu hiệu của tội phạm khác đã quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung và Viện kiểm sát đã thống nhất thay đổi tội danh hai bị cáo này.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét hỏi làm rõ hầu như toàn bộ các tình tiết trong vụ án, có khi hỏi thừa về một vấn đề và cũng có vấn đề hỏi không thật đủ, ít thấy có sự chủ động nêu vấn đề, chuyển vấn đề cần làm rõ để kiểm sát viên và người bào chữa tham gia hỏi nên nhiều vụ kiểm sát viên không hỏi gì.

- Trong tranh luận: Hội đồng xét xử đã bảo đảm cho các bên được trình bày hết ý kiến, không hạn chế thời gian tranh luận, định hướng vấn đề để các bên tranh luận đi vào trọng tâm.

Ví dụ: Vụ án Trần Ngọc B và đồng bọn bị xét xử về tội Cố ý gây thương tích và Gây rối trật tự công cộng. Trong vụ án này có 02 kiểm sát viên, 16 bị cáo và 04 người bào chữa được xét xử trong hai ngày. Hội đồng xét xử đã bảo đảm cho các bên tranh luận và đối đáp về tất cả các ý kiến, lập luận được đưa ra, không hạn chế thời gian được kiểm sát viên và các luật sư hài lòng.

Tuy nhiên, tranh tụng trong phân tranh luận cũng có hạn chế là chủ tọa phiên tòa để cho các bên tranh luận rất nhiều lần về cùng một vấn đề, nhiều vấn đề đã được các bên đối đáp rất nhiều lần như chủ tọa phiên tòa không “cắt” những ý kiến này.

- Về bản án, quyết định: Hội đồng xét xử đã phân tích, nhận xét, lập luận về các tài liệu, chứng cứ và vấn đề đã được thẩm tra công khai, chấp nhận hay không chấp nhận vấn đề nào đều nhận định rõ trong bản án nên bản án có tính thuyết phục.

Tuy vậy, bản án, quyết định của Hội đồng xét xử trong nhiều trường hợp vẫn còn hạn chế, nhiều trường hợp đánh giá một cách chung chung, chưa lập luận chặt chẽ lý do chấp nhận hoặc không chấp nhận quan điểm của người bào chữa, hoặc có bản án ghi “chấp nhận một phần ý kiến của luật sư” mà không ghi rõ một phần ý kiến là ý kiến gì, như thế nào.

- * Đối với kiểm sát viên:

- Trong xét hỏi: Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đã có chuẩn bị đề cương tham gia xét hỏi; một số vấn đề qua xét hỏi của kiểm sát viên đã làm rõ và có ý nghĩa xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Ví dụ: Trong vụ án Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ nêu trên, khi kiểm sát viên hỏi đã làm rõ được bị cáo đã tích cực tác động gia đình bồi thường cho người bị hại nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, kiểm sát viên chưa chủ động tham gia xét hỏi nhằm đưa ra các chứng cứ buộc tội mà chủ yếu phụ thuộc vào hội đồng xét xử, nhất là các vụ án mà bị cáo không khai nhận hành vi phạm tội nên chưa thể hiện rõ việc tranh tụng giữa kiểm sát viên với bị cáo.

Ví dụ: Trong vụ án Cố ý gây thương tích nêu trên: bị cáo không thừa nhận hành vi, cho rằng hành vi của bị cáo mang tính tự vệ nhưng kiểm sát

viên đã không chủ động và tích cực tham gia tranh luận để làm rõ chứng cứ buộc tội.

- Trong tranh luận và đối đáp: Kiểm sát viên đã kiểm tra tính hợp pháp, có căn cứ của tình tiết mới phát sinh tại phiên tòa khác với nội dung cáo trạng đã luận tội phù hợp với các chứng cứ, tài liệu được thẩm tra. Khi tranh luận, nhiều kiểm sát viên đã thể hiện tinh thần tranh tụng cao, chú ý lắng nghe những luận điểm mà bị cáo, người bào chữa đưa ra để đối đáp về từng vấn đề, việc chấp nhận hay

* Đối với người bào chữa và người bảo vệ quyền lợi của đương sự:

- Trong xét hỏi: Người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi đương sự chủ yếu là luật sư) đã phát huy trách nhiệm chủ động đề xuất Hội đồng xét xử được tham gia hỏi hoặc đề xuất vấn đề được hỏi nhằm làm rõ thêm tình tiết liên quan đến bị cáo hoặc đương sự đã nhận bào chữa hoặc bảo vệ; một số luật sư đã thể hiện sự sắc sảo trong cách nêu và đặt câu hỏi, nắm bắt diễn biến và các tình tiết vụ án đã giúp cho Hội đồng xét xử ra phán quyết đúng lý, hợp tình, có sức thuyết phục.

Tuy nhiên, cũng có không ít vụ án mà luật sư tham gia hỏi một cách hời hợt, không theo diễn biến tình tiết vụ án đã không nhận được sự đồng tình của những người tham gia tố tụng.

Ví dụ: Vụ án Nguyễn Văn C và đồng phạm bị xét xử về tội Trộm cắp tài sản. Trong vụ án này, khi tham gia hỏi, người bào chữa cho bị cáo lập luận rằng việc người bị hại là các chủ sở hữu tài sản làm chuồng trâu cách xa nơi ở để các bị cáo lợi dụng lén lút dắt trộm trâu đem bán nên người bị hại có một phần lỗi. Lập luận này của luật sư đã bị người bị hại phản đối, kiểm sát viên bác bỏ và hội đồng xét xử cũng không chấp nhận.

- Trong tranh luận và đối đáp: Người bào chữa và người bảo vệ quyền lợi của đương sự đã chuẩn bị bản luận cứ. Trong phần này, nhiều luật sư tham

gia bào chữa hoặc bảo vệ quyền lợi của đương sự đã tập trung phân tích các tình tiết, diễn biến vụ việc qua thẩm tra tại phiên tòa, lời buộc tội của kiểm sát viên; trên cơ sở đối chiếu quy định của pháp luật nhằm gỡ tội cho bị cáo hoặc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Luật sư cũng là người tích cực nhất trong việc đối đáp các luận điểm mà kiểm sát viên đưa ra. Nhiều lập luận của luật sư đưa ra đã giúp làm sáng tỏ tình tiết của vụ án.

2.3.2. Nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại

- Một số Kiểm sát viên chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của hoạt động tranh tụng tại phiên tòa nên chuẩn bị hồ sơ chưa kỹ, chưa làm tốt việc ghi chép tại phiên tòa, chưa trích cứu hoặc trích không đầy đủ; chưa đầu tư học tập nâng cao kỹ năng xét hỏi, tranh tụng.

- Vấn đề đạo đức nghề nghiệp của một số Luật sư cũng cần phải đặt ra, mặc dù số phiên tòa có luật sư bào chữa cho bị cáo rất ít nhưng có nhiều trường hợp luật sư tranh luận không đúng căn cứ quy định của pháp luật, không nhằm mục đích làm sáng tỏ các tình tiết nhằm tìm ra chân lý của vụ án tranh luận phiến diện, dẫn đến luận chứng để chứng minh khi bào chữa không có tính thuyết phục.

- Chất lượng điều tra cũng là vấn đề ảnh hưởng lớn đến chất lượng tranh tụng, trong những năm gần đây, số lượng Điều tra viên của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an ngành Thành phố Hồ Chí Minh luôn trong tình trạng thiếu và chất lượng không đồng đều, hầu hết là Điều tra viên trẻ nên kinh nghiệm chưa nhiều.

- Trình độ học vấn, hiểu biết pháp luật của bị can, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác còn nhiều hạn chế, nhiều người có tâm lý e ngại, không dám lập luận, đưa ra ý kiến để bảo vệ quan điểm của họ.

- Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật làm cơ sở cho tranh tụng còn chưa hoàn thiện, có nhiều vướng mắc chưa kịp thời được hướng dẫn.

- Chưa có cơ sở pháp lý cho hoạt động tranh tụng như: Quy định về quyền và nghĩa vụ của Kiểm sát viên, Luật sư bào chữa tại phiên tòa; quy định về trách nhiệm của Hội đồng xét xử, của Thẩm phán trong việc đảm bảo cho hoạt động tranh tụng; trách nhiệm hoặc chế tài của luật sư bào chữa tại phiên tòa; quy định về văn hoá pháp lý.

- Các quy định pháp luật về nội dung có liên quan đến các vấn đề đưa ra tranh tụng như: Quy định của pháp luật hình sự và văn bản hướng dẫn làm cơ sở đánh giá về vụ án. Hiện nay còn rất nhiều quy định của Bộ luật hình sự còn có vướng mắc nhưng chưa được cấp có thẩm quyền hướng dẫn, do vậy khi tranh tụng, giữa Kiểm sát viên với người bào chữa vẫn có những quan điểm khác nhau.

Kết luận chương 2

Như vậy, theo quy định của Bộ luật hình sự năm 2003 thì Nhà nước giao cho Tòa án thực hiện chức năng buộc tội thể hiện tại các Điều 10, 104, 179, 196, 207, 216, 221 BLTTHS.

Với ý nghĩa là một nguyên tắc của TTHS, nguyên tắc tranh tụng đòi hỏi các chủ thể tiến hành tố tụng phải có trách nhiệm bảo đảm cho hoạt động tranh tụng được thực hiện trên thực tiễn đúng theo quy định của pháp luật, bảo đảm tranh tụng công khai, khách quan, công bằng và trực tiếp giữa các bên buộc tội và gỡ tội dưới sự điều khiển công minh, chính trực của thì sự thật khách quan mới được làm sáng tỏ.

Nhằm tạo điều kiện cho Tòa án giữ vai trò trung lập, phát huy cơ chế phản biện đối với sự cáo buộc của cơ quan chức năng, tránh sai sót trong quá trình xác định sự thật khách quan và chứng minh tội phạm, từ thực tiễn thực hiện các quy định của pháp luật tố tụng hình sự về nguyên tắc tranh tụng trong xét xử các vụ án hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, cần xác định

nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại và có những giải pháp để hoàn thiện nhằm đảm bảo nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa.

Chương 3

HOÀN THIỆN CÁC BẢO ĐẢM CỦA NGUYÊN TẮC TRANH TỤNG TRONG XÉT XỬ CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ

Trong giai đoạn chúng ta đang chủ trương xây dựng Nhà nước pháp quyền thì vấn đề nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan tư pháp nói chung và của Tòa án nói riêng là hết sức cấp bách. Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 2/1/2002 của Bộ Chính trị "Về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới" đề cao vấn đề tranh tụng tại phiên tòa trong xét xử vụ án hình sự. Để thực hiện tốt yêu cầu cải cách tư pháp nâng cao hiệu quả tranh tụng tại phiên tòa xét xử vụ án hình sự cần có những giải pháp đồng bộ về nhiều mặt. Cụ thể là:

3.1. Hoàn thiện các bảo đảm của nguyên tắc tranh tụng trong xét xử các vụ án hình sự

Tranh tụng phải được đưa lên thành một nguyên tắc trong hoạt động xét xử. Nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tranh tụng tại phiên tòa thì Bộ luật tố tụng hình sự cần phải thể hiện rõ tranh tụng là một nguyên tắc cơ bản trong hoạt động xét xử, từ đó cụ thể hóa hơn nữa những quy định về tranh tụng tại phiên tòa, tạo ra cơ chế thích hợp và hiệu quả cho quá trình tranh tụng. Khi đã thừa nhận là một nguyên tắc thì tất cả các cơ quan bảo vệ pháp luật và các chủ thể khác tham gia vào quá trình tố tụng đều phải ý thức thực hiện theo đúng nguyên tắc.

Tại phiên tòa quyết định của Tòa án chỉ có thể căn cứ vào quá trình tranh tụng, trên cơ sở xem xét, thẩm tra, đánh giá chứng cứ được đưa ra từ các bên một cách khách quan, toàn diện nhưng vẫn phải dựa trên cơ sở khung, tội mà Viện kiểm sát đưa ra chứ không phải là căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa.

Trong quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nên giữ vai trò là trọng tài phán quyết vụ án, để việc xét hỏi theo hướng buộc tội là của đại diện Viện kiểm sát việc xét hỏi theo hướng gỡ tội là của Luật sư bào chữa. Bộ luật tố tụng hình sự hiện nay vẫn có những quy định chưa phù hợp, điều đó làm cho các chủ thể tham gia tranh tụng không nhận thức đúng và đầy đủ về vai trò của mình trong tranh tụng nên không tích cực, chủ động trong việc thực hiện chức năng của mình mà ỷ lại và phụ thuộc vào Tòa án, đặt quá nặng trách nhiệm chứng minh thuộc Hội đồng xét xử. Cần sửa đổi quy định tại Điều 218 BLTTHS theo hướng đề cao trách nhiệm của Kiểm sát viên hơn trong việc tranh tụng và trách nhiệm của Chủ tọa phiên tòa trong việc bảo đảm tranh tụng như sau: "... Kiểm sát viên có nghĩa vụ đáp lại tất cả những ý kiến liên quan đến vụ án của người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác. Chủ tọa phiên tòa có trách nhiệm bảo đảm việc tranh tụng giữa Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng".

Các quy định về trình tự thủ tục xét hỏi tại phiên tòa trong Bộ luật tố tụng hình sự cần phải sửa đổi theo hướng để cho các bên tranh tụng thực hiện trách nhiệm chứng minh và tiến hành xét hỏi là chủ yếu. Tòa án chỉ thực hiện việc giám sát, duy trì trình tự xét hỏi và có quyền tham gia vào quá trình đó ở bất kỳ thời điểm nào khi thấy cần thiết phải làm sáng tỏ các tình tiết nào đó về vụ án chưa được các bên làm rõ trong quá trình xét hỏi.

Để đảm bảo cho việc tranh luận tại phiên tòa phát huy được tác dụng Thẩm phán, Kiểm sát viên cần thực hiện đúng nguyên tắc "bản án chỉ căn cứ vào những chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa", thực hiện đúng tinh thần chỉ đạo của Nghị quyết 08/NQ- TW việc giải quyết của Tòa án phải căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của người bào chữa, bị cáo, nhân chứng, nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền, lợi ích hợp pháp

để đưa ra những bản án, quyết định đúng pháp luật có sức thuyết phục. Bị cáo, các đương sự và người bào chữa cho bị cáo, bảo vệ quyền lợi cho đương sự phải chủ động và tích cực đưa ra những chứng cứ, lý lẽ, cơ sở pháp luật để tranh luận với Kiểm sát viên cũng như giữa các đương sự trong vụ án.

Để tạo điều kiện cho bị cáo tranh luận với Kiểm sát viên tại phiên tòa, các cơ quan tiến hành tố tụng phải tạo điều kiện cho bị cáo biết được cụ thể, đầy đủ những chứng cứ, cơ sở pháp lý buộc tội bị cáo để bị cáo có thời gian chuẩn bị hoặc nhờ Luật sư tìm ra chứng cứ, lý lẽ, cơ sở pháp lý để thực hiện việc tranh luận tại phiên tòa. Khi xét hỏi Hội đồng xét xử chỉ nên thẩm tra lại tất cả các chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án để bị cáo xác nhận một cách công khai họ đồng ý hay không đồng ý với các chứng cứ đó. Đối với các chứng cứ bị cáo không thừa nhận, Hội đồng xét xử cần lưu ý kiểm sát viên, bị cáo, Luật sư để đi sâu phân tích, tranh luận làm rõ.

Hội đồng xét xử không nên tranh luận với bị cáo, các đương sự về các chứng cứ đó, không được đưa ra những nhận xét đánh giá về các chứng cứ đó tại phiên tòa. Việc đánh giá chứng cứ và cơ sở pháp lý để giải quyết vụ án chỉ được diễn ra trong phòng nghị án.

Khi xét hỏi Hội đồng xét xử không được phê phán bị cáo quanh co chối tội, không được hỏi mang tính chất quy chụp, lăng mạ bị cáo. Không nên giải thích pháp luật quá nhiều nhất là giải thích bị cáo thành khẩn khai nhận thì sẽ được hưởng lượng khoan hồng bởi bị cáo không có nghĩa vụ chứng minh là mình vô tội. Hội đồng xét xử phải khách quan, vô tư khi xét hỏi.

Trình tự tiến hành phiên tòa phải theo đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Chủ tọa phiên tòa là người phải chịu trách nhiệm chính về việc này. Không được định kiến với suy nghĩ rằng bị cáo phạm tội hoặc không phạm tội. Tạo điều kiện cho bị cáo hoặc những người khác chủ động trình bày, tranh luận về các tình tiết của vụ án. Không được cắt ngang để đặt câu

hỏi, trừ trường hợp họ sa đà vào những tình tiết vụn vặt. Hội đồng xét xử nên tránh hỏi bị cáo với tính chất buộc tội như cáo trạng, cần hướng cho Kiểm sát viên hỏi cả về những tình tiết buộc tội và gỡ tội để làm sáng tỏ nội dung vụ án, trừ những điểm nào đã yêu cầu Kiểm sát viên hỏi rồi vẫn chưa rõ, Hội đồng xét xử mới hỏi.

Phản đối đáp chỉ được thực hiện sau khi Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng đã trình bày lời luận tội và ý kiến của mình. Để theo dõi chặt quá trình tranh luận, đặc biệt là đối với những vụ án lớn, kéo dài Chủ tọa cần ghi lại những nội dung tranh luận, đối đáp của từng người. Diễn biến phiên tòa nên theo những đề xuất đã nêu trên và phải bám sát vào quy định của Bộ luật tố tụng hình sự để không bỏ sót quy trình và đảm bảo quyền lợi cho các bên tham gia tranh tụng, biên bản phiên tòa cần ghi chép đầy đủ bởi đây là nơi thể hiện rõ nhất diễn biến của phiên tòa. Vì vậy, đòi hỏi người viết biên bản phiên tòa phải có trình độ, có phẩm chất đạo đức tốt để việc ghi chép không chỉ đúng mà còn đủ diễn biến của quá trình xét xử. Tại các nước có điều kiện kinh tế phát triển thì phiên tòa thường được trang bị camera và ghi âm để lưu lại toàn bộ quá trình diễn biến tại phiên tòa, khi có khiếu nại về hoạt động xét xử thì mở ra xem lại. Tuy nhiên ở nước ta hiện nay chưa có điều kiện để trang bị do vậy cần có quy định cụ thể chế tài xử lý đối với những trường hợp biên bản phiên tòa ghi không đúng diễn biến của quá trình xét xử, hoặc không hoàn thành biên bản theo đúng quy trình tố tụng. Biên bản phiên tòa phải có chữ ký của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa. Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Thư ký ghi biên bản đều phải chịu trách nhiệm đối với nội dung của biên bản phiên tòa. Nếu biên bản phiên tòa thể hiện diễn biến phiên tòa không đảm bảo quy trình tố tụng, không tuân theo tinh thần tranh tụng của Nghị quyết 08/NQ-TW và Kết luận số 290 của Tòa án nhân dân tối cao về hội thảo

"Tranh tụng tại phiên tòa hình sự" thì Tòa án cấp trên cần xác định là lỗi nghiêm trọng và hủy án.

Trong các điều luật về xét hỏi cần quy định: khi xét hỏi Kiểm sát viên hỏi trước sau đó đến người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự. Các thành viên Hội đồng xét xử có thể hỏi ở bất kỳ thời điểm nào về các tình tiết cần làm sáng tỏ. Khuyến khích chủ tọa phiên tòa gợi ý, giải thích hiệu quả tranh tụng trong phần tranh luận.

Về quy định Tòa án nên có vai trò là trọng tài trong quá trình giải quyết vụ án, Điều 104 Bộ luật tố tụng hình sự cho phép Tòa án được quyền khởi tố vụ án. Theo quy định này thì Tòa án lại thực hiện chức năng buộc tội, khi Tòa án đã khởi tố thì việc xét xử sẽ theo hướng ấy, nên không đảm bảo sự khách quan. Cần giảm bớt thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự của Tòa án nhằm để Tòa án tập trung vào chức năng xét xử và sẽ công tâm hơn khi xét xử. Bởi lẽ nếu Tòa án ban hành quyết định khởi tố vụ án thì khi xét xử, Tòa án vẫn giữ quan điểm của mình là người bị buộc tội có tội, nếu thật sự người này bị oan sai thì ảnh hưởng đến quyền lợi của họ rất lớn. Thực tiễn cho thấy những vụ án do Hội đồng xét xử khởi tố là hầu như không có, quy định này đã không còn phù hợp vì vậy nên bãi bỏ.

Chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Viện kiểm sát đối với Tòa án cần phải loại bỏ. Hiện nay, Viện kiểm sát vẫn đồng thời có chức năng thực hành quyền công tố và chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp trong đó có kiểm sát hoạt động xét xử của Tòa án. Viện kiểm sát vừa có thẩm quyền buộc tội, vừa có thẩm quyền giám sát hoạt động của cơ quan khác ra phán quyết về hoạt động buộc tội của mình thì khó có thể bình đẳng và độc lập được, do đó chức năng giám sát việc tuân theo pháp luật của Viện kiểm sát đối với Tòa án cần bị loại bỏ. Như vậy vừa đảm bảo nhất quán về mặt pháp luật, tạo ra sự độc lập trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của Tòa án vừa tạo điều kiện để

Viện kiểm sát tập trung hơn, hoàn thành tốt hơn nhiệm vụ công tố của mình. Với chức năng thực hành quyền công tố, Kiểm sát viên cần thực hiện nghiêm túc, đầy đủ mọi quyền và nghĩa vụ, tham gia xét hỏi, tranh luận với bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác để bảo vệ cáo trạng.

Đề nghị bổ sung các quy định bảo đảm tranh tụng như quy định chế tài áp dụng trường hợp vi phạm như không bảo đảm quyền bào chữa của bị cáo, không đảm bảo việc thực hiện tranh tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng.

Theo Hiến pháp năm 2013 và Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014, Tòa án nhân dân, là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và thực hiện quyền tư pháp. Để thực hiện tốt những chức năng và nhiệm vụ của mình, Tòa án cần thực hiện tốt các vấn đề như:

- Hướng dẫn đường lối xét xử các vụ án hình sự theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự, đặc biệt chú ý đến các quy định về tranh tụng trong tố tụng hình sự, thu thập chứng cứ bảo đảm quyền lợi của người bị buộc tội,... xây dựng cơ chế tranh tụng trong tố tụng hình sự, có chế độ khen thưởng, kỷ luật,... rõ ràng.

- Tăng cường hoạt động hướng dẫn áp dụng pháp luật về lĩnh vực tranh tụng trong hoạt động xét xử, bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật trong hoạt động điều khiển tranh tụng tại phiên tòa. Tuyên truyền phổ biến pháp luật Nhà nước và chính quyền địa phương, phổ biến tuyên truyền giáo dục pháp luật cho nhân dân để họ tham gia vào quá trình tố tụng, có thể tự bào chữa, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình đồng thời giám sát việc thực thi pháp luật của các cơ quan tư pháp.

- Tại Điều 26 BLTTHS năm 2015 có quy định về “Tranh tụng trong xét xử được bảo đảm” nhưng để đảm bảo nguyên tắc tranh tụng trong xét xử có hiệu quả và thực chất thì hiện nay chưa có văn bản quy định riêng nên cần xây

dựng các cơ chế đảm bảo cho việc thực hiện tranh tụng thông qua các văn bản pháp lý chuyên ngành khác.

- Tăng cường tranh tụng giữa bên buộc tội và bên bào chữa theo hướng Tòa án giữ vị trí trọng tài giữa bên buộc tội và bên bào chữa. Đề cao vai trò của người bào chữa trong hoạt động giai đoạn xét xử.

- Có những phiên tòa mà bị cáo là người chưa thành niên, trình độ học vấn thấp,...thì Thẩm phán chủ động giải thích Khoản 1 Điều 322 BLTTHS năm 2015 quy định về tranh luận tại phiên tòa để họ hiểu và chủ động thực hiện quyền của mình.

- Hàng năm, khi xét thi đua khen thưởng thì có xét khen thưởng Hội thẩm nhân dân nhưng khi Tòa án nhận được kết quả án hủy, sửa do lỗi chủ quan thì không thấy phân tích trách nhiệm của họ hoặc chỉ công bố sơ sài, rút kinh nghiệm trong các họp quý định kỳ của Hội thẩm nhân dân nên không thể hiện hết trách nhiệm của họ khi kết tội danh và quyết định hình phạt. Quy định trách nhiệm thành viên là Hội thẩm nhân dân khi bản án bị hủy, sửa do lỗi chủ quan. Rõ ràng khi xét xử oan sai thì chỉ có Tòa án, cá nhân Thẩm phán chịu trách nhiệm bồi thường, kỷ luật do đó, tính trách nhiệm trong công tác xét xử của Hội thẩm nhân dân chưa cao.

- Các kiểm sát viên cần nhận thức đầy đủ hoạt động thực hành quyền công tố đã được pháp luật quy định, trách nhiệm trong việc chứng minh tội phạm, việc chứng minh tội phạm phải dựa trên nguyên tắc đảm bảo dân chủ, khách quan, đảm bảo quyền con người đã được ghi nhận trong Hiến pháp năm 2013. Khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, kiểm sát viên phải biết tổng hợp chứng cứ, sắp xếp chứng cứ theo diễn biến khách quan của hành vi phạm tội, tránh trường hợp chứng cứ mâu thuẫn, chứng cứ không có tính thuyết phục; thực hiện đánh giá chính xác các chứng cứ, biết dự liệu các tình huống trong trường hợp bị cáo phản cung, chối tội... Kiểm sát viên cũng cần thường

xuyên nghiên cứu văn bản pháp lý liên quan đến giải quyết vụ án hình sự, nghiên cứu đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về pháp luật hình sự và tố tụng hình sự.

- Xây dựng cơ chế đảm bảo cho các quy định của pháp luật về quyền của luật sư được thực hiện trên thực tế. Cần phải có chế định thép dành cho người bào chữa. Thể hiện qua việc kịp thời cấp giấy chứng nhận bào chữa trở thành rào cản của hoạt động hỗ trợ pháp lý kịp thời cho người buộc tội.

- Đề nghị bổ sung các quy định bảo đảm tranh tụng như quy định chế tài áp dụng trường hợp vi phạm như không bảo đảm quyền bào chữa của bị cáo, không đảm bảo việc thực hiện tranh tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng.

- Giảm bớt thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự của Tòa án nhằm để Tòa án tập trung vào chức năng xét xử và sẽ công tâm hơn khi xét xử. Bởi vì nếu Tòa án ban hành quyết định khởi tố vụ án thì khi xét xử, Tòa án vẫn giữ quan điểm của mình là người bị buộc tội có tội, nếu thật sự người này bị oan sai thì ảnh hưởng đến quyền lợi của họ rất lớn.

- Đề nghị sửa đổi quy định tại Điều 218 BLTTHS theo hướng đề cao trách nhiệm của Kiểm sát viên hơn trong việc tranh tụng và trách nhiệm của Chủ tọa phiên tòa trong việc bảo đảm tranh tụng như sau: "... Kiểm sát viên có nghĩa vụ đáp lại tất cả những ý kiến liên quan đến vụ án của người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác. Chủ tọa phiên tòa có trách nhiệm bảo đảm việc tranh tụng giữa Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng".

3.2. Nâng cao năng lực cán bộ

- Nâng cao trình độ pháp luật cho những người tiến hành tố tụng để họ đủ khả năng, bản lĩnh và độc lập khi tham gia tiến hành tố tụng. Kiểm sát viên là một bên của quá trình tranh tụng nên việc nâng cao chất lượng cũng như ý

thức tranh tụng của Kiểm sát viên rất quan trọng. Cần có những quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự và trong những văn bản về tổ chức hoạt động của Viện kiểm sát cần quy định rõ: Nhiệm vụ buộc tội tại phiên tòa là của Kiểm sát viên. Trong thứ tự xét hỏi và tranh luận Kiểm sát viên luôn phải là người đầu tiên. Những tranh luận và lời buộc tội của Kiểm sát viên không đúng với những tình tiết tại phiên tòa là những tiêu chí để đánh giá chất lượng Kiểm sát viên. Có quy chế về sự kiểm tra của lãnh đạo Viện kiểm sát về chất lượng tranh tụng tại phiên tòa của Kiểm sát viên.

- Nâng cao trình độ về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng xét xử và đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ thẩm phán trong việc áp dụng pháp luật trong lĩnh vực tranh tụng. Giai đoạn chuẩn bị xét xử là giai đoạn quan trọng có ý nghĩa chuẩn bị cho kế hoạch thẩm vấn, kế hoạch điều khiển phiên tòa và tranh tụng của các bên, do vậy cần có sự chuẩn bị kỹ càng: Chủ tọa phiên tòa và các Hội thẩm phải nghiên cứu kỹ hồ sơ, các tình tiết trong vụ án, cần tìm ra những điểm còn mâu thuẫn giữa các chứng cứ để khi ra phiên tòa điều khiển cho các bên tranh luận về những vấn đề còn mâu thuẫn đó để làm sáng tỏ. Cần nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án để xác định những chứng cứ nào là buộc tội, những chứng cứ nào là gỡ tội. Có kế hoạch tại xét hỏi phiên tòa và điều khiển cho các bên hỏi, tranh luận về những chứng cứ đó để kiểm tra tính xác thực. Nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án để triệu tập những người cần thiết phải có mặt tại phiên tòa như người làm chứng, người giám định, người phiên dịch. Trên thực tế là có nhiều nhân chứng triệu tập rất khó, hoặc không tìm được thì phải có kế hoạch triệu tập hoặc dẫn giải. Nghiên cứu kỹ hồ sơ để có được kế hoạch điều khiển cho các bên tranh luận, có kế hoạch thẩm vấn và xét hỏi, dự trù những khả năng có thể xảy ra để khi ra phiên tòa ứng phó kịp thời với những tình huống bất ngờ tại phiên tòa. Như vậy cần có quy định một cách cụ thể trong những

điều luật về trách nhiệm của những người tiến hành tố tụng trong quá trình chuẩn bị tham gia phiên tòa tranh tụng.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn để nâng cao trình độ và kỹ năng tranh tụng cho các luật sư bào chữa, người bảo vệ quyền lợi cho người bị tạm giữ, bị can, bị cáo và một số người tham gia tố tụng khác. Quyền nhờ người khác bào chữa của bị can, bị cáo tuy đã được pháp luật tố tụng hình sự nước ta quy định nhưng thực tế chưa đáp ứng được yêu cầu bình đẳng giữa bên buộc tội và bên gỡ tội. Bộ luật tố tụng hình sự hiện hành đã có sự sửa đổi và quy định nhiều hơn về quyền của người bào chữa như: sự tham gia tố tụng của Luật sư từ khi có quyết định tạm giữ; có mặt khi lấy lời khai của người bị tạm giữ; quyền thu thập tài liệu, đồ vật, tình tiết liên quan đến việc bào chữa; đưa ra tài liệu và đồ vật; sao chụp tài liệu... Tuy nhiên, để thực sự bình đẳng trong tranh tụng thì cần sửa đổi Bộ luật tố tụng hình sự theo hướng đảm bảo hơn nữa quyền bình đẳng của Luật sư trước và trong phiên tòa để họ có thể tranh tụng một cách dân chủ, bình đẳng với bên buộc tội nhằm tạo ra cơ chế, điều kiện thuận lợi nhất để thực hiện quyền bình đẳng của Luật sư - với tư cách là một bên tranh tụng. Cần bổ sung một số quyền cho bên gỡ tội:

+ Luật sư, bị cáo là bên gỡ tội trong quá trình tranh tụng, hoàn toàn bình đẳng với Viện kiểm sát là bên buộc tội

+ Quyền đề xuất nhân chứng cần triệu tập đến phiên tòa. - Quyền bác bỏ nhân chứng do phía buộc tội đưa ra.

+ Bổ quy định khi thu thập được tài liệu, đồ vật liên quan đến vụ án, thì người bào chữa phải có trách nhiệm giao cho cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án.

+ Bổ quy định Luật sư phải có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nếu như không phải là phiên tòa xét xử.

+ Bỏ việc cấp giấy chứng nhận bào chữa cho Luật sư theo từng giai đoạn tố tụng vì như thế sẽ khó khăn cho quá trình bảo vệ quyền lợi cho bị cáo. Khi Luật sư tham gia bào chữa từ khi bắt tạm giữ, từ giai đoạn khởi tố, thì có quyền bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị cáo đến khi án có hiệu lực pháp luật (trừ trường hợp bị cáo không yêu cầu).

Ngoài ra, theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 58 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 thì người bào chữa có quyền thu thập tài liệu, đồ vật, tình tiết liên quan đến việc bào chữa từ những cơ quan tổ chức, cá nhân nhưng phải theo yêu cầu của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo. Thực tế khi người bào chữa đã được bị can, bị cáo yêu cầu để bảo vệ quyền lợi thì họ đã mong muốn người bào chữa làm mọi biện pháp theo quy định của pháp luật để bảo vệ quyền lợi cho họ. Mặt khác, khi tiếp xúc với người bị tạm giữ, bị can, bị cáo thì người bào chữa mới có thể biết được những thông tin về những cá nhân, tổ chức cần thu thập tài liệu, chứng cứ do đó không cần thiết phải quy định "theo yêu cầu của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo" mà chỉ cần quy định "để phục vụ cho hoạt động bào chữa cho bị can bị cáo, nếu không thuộc bí mật Nhà nước, bí mật công tác".

Nhằm tạo điều kiện cho Luật sư thực sự tranh tụng bình đẳng với Kiểm sát viên tại phiên tòa, thì Luật sư phải có thời gian nghiên cứu hồ sơ, chuẩn bị những chứng cứ lý lẽ, nhất là việc thu thập những chứng cứ ngay từ giai đoạn bị can, bị cáo bị tạm giữ nên cần phải quy định cụ thể: Đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 57 Bộ luật tố tụng hình sự thì ngay tiêu đề của điều luật phải quy định "Bắt buộc phải cử người bào chữa". Cần có cơ chế kiểm tra và quy định rõ trách nhiệm cụ thể với trường hợp luật đã bắt buộc mời nhưng những người có trách nhiệm không mời. Nếu trong quá trình tiến hành tố tụng có các vấn đề mới phát sinh như bị can từ chối người bào chữa theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, bị can đã đến tuổi thành niên, bị can có nhu cầu

mời người khác bào chữa... Lúc này cơ quan tiến hành tố tụng sẽ tùy theo từng trường hợp cụ thể, từng giai đoạn tiến hành tố tụng cụ thể để giải quyết nội dung phát sinh mới cho phù hợp với thực tế sự việc đã xảy ra.

Theo quy định của Điều 107 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 thì "trước khi hỏi cung, điều tra viên phải giải thích các quyền và nghĩa vụ cho bị can". Tuy nhiên hầu hết các bị can, nhất là bị can đang bị tạm giam đều không được điều tra viên giải thích hoặc giải thích không đầy đủ về quyền được nhờ người khác bào chữa, quyền được cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu Đoàn Luật sư chỉ định Văn phòng Luật sư cử người bào chữa cho mình. Do vậy, nhằm khắc phục tình trạng này, trong mẫu giấy về quyết định tạm giữ, khởi tố bị can, nên in sẵn thông báo cho người bị tạm giữ, bị can biết quyền đó. Để tạo điều kiện thuận tiện nhất cho người đại diện hợp pháp của người bị tạm giam, bị can mời người bào chữa cần quy định khi người nhà người bị tạm giữ, bị can có đơn xác nhận địa chỉ của ủy ban nhân dân cấp xã để mời Luật sư bào chữa, Cơ quan điều tra phải bố trí Luật sư gặp bị can, người bị tạm giữ. Nếu họ đồng ý để Luật sư bào chữa thì Cơ quan điều tra phải cấp ngay giấy phép, những trường hợp vì bí mật an ninh quốc gia hoặc những lý do khác Luật sư không thể tham gia ngay từ giai đoạn này pháp luật cũng cần quy định rõ.

Tuy pháp luật đã quy định rõ nhưng việc tham dự của người bào chữa trong các buổi điều tra viên lấy lời khai bị can gặp nhiều khó khăn. Theo một số điều tra viên, sự có mặt của người bào chữa sẽ gây khó khăn, phức tạp trong việc lấy lời khai bị can, thậm chí còn gây trở ngại cho công việc của họ. Khi người bào chữa tiếp xúc với bị can đều có điều tra viên hoặc giám thị ngồi bên cạnh, nên dù bị can bị bức cung hoặc dùng nhục hình thì họ cũng không dám thổ lộ với người bào chữa. Do đó, Bộ luật tố tụng hình sự cần có quy định rõ những trường hợp Luật sư được tiếp xúc riêng với bị can mà

không có sự giám sát của giám thị trại giam hoặc của điều tra viên. Những trường hợp luật đã cho phép có mặt Luật sư tham gia khi hỏi cung bị can, được tham gia các hoạt động nghiệp vụ mà Điều tra viên không thông báo, không tạo điều kiện cần có những chế tài xử lý.

Theo quy định tại các điều 187, 189, 190, 245, 280 Bộ luật tố tụng hình sự thì trong mọi trường hợp Kiểm sát viên vắng mặt phải hoãn phiên tòa trong khi đó người bào chữa hoặc bị cáo và các chủ thể khác vắng mặt thì vẫn có thể tiến hành xét xử vụ án. Quy định như vậy rõ ràng là chưa đảm bảo sự bình đẳng giữa các bên trong tranh tụng, nhất là đảm bảo quyền lợi của bị cáo. Sự vắng mặt của Luật sư và của bị cáo ở phiên tòa sẽ làm cho quá trình tranh tụng mất đi ý nghĩa của nó bởi thiếu một bên tham gia và một chức năng quan trọng là bào chữa không được thực hiện. Vì vậy cần bổ sung: trong những trường hợp Luật sư vắng mặt vì trường hợp bất khả kháng không gửi được bản bào chữa (như tai nạn, bị bệnh...) thì Tòa án phải hoãn phiên tòa. Trong trường hợp đó bị cáo có thể mời Luật sư khác. Nếu Tòa án đã hoãn phiên tòa theo thời hạn luật định mà Luật sư vẫn không thể có mặt và bị cáo không mời Luật sư khác thì Tòa án sẽ vẫn tiến hành xét xử.

Cần xây dựng cơ chế đảm bảo cho các quy định của pháp luật về quyền của luật sư được thực hiện trên thực tế. Cần phải có chế định thép dành cho người bào chữa. Thể hiện qua việc kịp thời cấp giấy chứng nhận bào chữa trở thành rào cản của hoạt động hỗ trợ pháp lý kịp thời cho người buộc tội.

Bào chữa là một chức năng quan trọng trong quá trình tố tụng, đây là trách nhiệm nghề nghiệp đồng thời cũng là nghĩa vụ của Luật sư trước bị can, bị cáo. Bộ luật tố tụng hình sự và các văn bản pháp luật hiện hành chưa xác định rõ nghĩa vụ pháp lý của Luật sư trước bị can, bị cáo; các tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, năng lực và sức khỏe đối với những người hành nghề

Luật sư cũng chưa được quy định chặt chẽ. Điều này đã làm hạn chế đến khả năng thực hiện chức năng và nghĩa vụ của Luật sư trong quá trình tranh tụng.

Trong Bộ luật tố tụng hình sự và các văn bản pháp luật khác cần quy định rõ trách nhiệm pháp lý của Luật sư bào chữa trước bị can, bị cáo trong những trường hợp Luật sư không làm tròn nghĩa vụ và chức năng nghề nghiệp của mình là bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của bị can, bị cáo. Trách nhiệm đó phải là trách nhiệm vật chất dân sự: như phải hoàn trả lại cho thân chủ tiền thù lao đã nhận và bị phạt một khoản tiền nào đó hoặc là trách nhiệm kỷ luật - hành chính trước tổ chức đoàn Luật sư, thậm chí cả trách nhiệm hình sự nếu để xảy ra hậu quả nghiêm trọng ví dụ như bị cáo bị xử phạt oan, bị can bị bắt giam trái pháp luật mà Luật sư không can thiệp bảo vệ kịp thời dẫn đến bị can tự tử hoặc bị dùng nhục hình dẫn đến chết người với hình phạt bổ sung cấm hành nghề Luật sư.

Cần xác định rõ thời điểm bắt đầu và kết thúc nghĩa vụ của Luật sư đối với bị can, bị cáo. Để nâng cao chất lượng của đội ngũ Luật sư hiện nay cần quy định rõ tiêu chuẩn chuyên môn của người hành nghề Luật sư phải có bằng cử nhân luật, có thời gian làm thực tiễn từ 4 đến 6 năm trở lên, tuổi đời cũng cần giới hạn không quá 65 tuổi và phải qua sát hạch thi tuyển trước khi cấp giấy phép hành nghề Luật sư. Như vậy thì trình độ của Luật sư mới được nâng lên, đảm bảo hoàn thành được một cách tốt nhất nhiệm vụ bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị cáo.

3.3. Các bảo đảm khác

- Tăng cường cơ sở vật chất, phương tiện cho các Tòa án, cần sắp xếp vị trí cho các bên tham gia tranh tụng một cách công bằng và thuận tiện khi tham gia tranh tụng tại phiên tòa. Hiện tại trang thiết bị của ngành Tòa án phần lớn đã xuống cấp, lạc hậu, không phù hợp với yêu cầu của công tác xét xử trong tình hình mới. Trong khi số lượng án hàng năm phải giải quyết rất

lớn thì trụ sở làm việc của một số Tòa án lại quá chật hẹp, xuống cấp. Cá biệt có một số Tòa án quá chật hẹp thì nhiều khi phải xử án tại phòng làm việc, xử án xong lại kê bàn ghế như cũ. Phòng xử như vậy không đảm bảo tính trang nghiêm của Tòa án, chỗ ngồi cho Luật sư chật hẹp, không có phòng cách ly người làm chứng và các bên tham gia tố tụng, ảnh hưởng đến quá trình tranh tụng tại phiên tòa. Các trang thiết bị khác thì cũ kỹ và thiếu thốn, một số Tòa án cấp huyện xét xử vụ án lưu động nhưng không có phương tiện vận tải phục vụ cho công tác xét xử này. Hiện nay còn có nhiều trụ sở Tòa án các cấp cần xây dựng mới, mở rộng, đây là một bài toán khá nan giải khi giải quyết vấn đề kinh phí và mặt bằng xây dựng trụ sở Tòa án.

Tại các phiên tòa mà bị cáo đang tại ngoại đều không có cảnh sát bảo vệ, chỉ những vụ án lớn hoặc những phiên tòa lưu động thì có lực lượng công an hoặc cảnh sát tư pháp. Điều này ảnh hưởng đến công tác xét xử bởi nhiều phiên tòa đang xét xử thì bị các phần tử quá khích gây rối trật tự. Việc này vừa không đảm bảo tính nghiêm minh của phiên tòa vừa không hoàn thành được nhiệm vụ xét xử. Đối với những Tòa án có trụ sở chật hẹp thì các cấp có thẩm quyền cần cấp kinh phí để được xây dựng sớm. Những phương tiện và những thiết bị thiết yếu ở các cơ quan xét xử đều là nhằm phục vụ nhiệm vụ xét xử nên việc thiếu thốn sẽ gây trở ngại rất lớn. Những cơ quan phải xét xử lưu động ở cấp huyện cần được cấp kinh phí để phục vụ phiên tòa hoặc cấp xe ô tô để phục vụ nhiệm vụ này. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thiết yếu cần được cấp đầy đủ...

- Lắp đặt camera ghi hình, ghi âm lại phiên tòa, để khi cần thiết có thể kiểm tra lại diễn biến phiên tòa tại phần tranh luận khi chủ tọa hạn chế về thời gian, hạn chế quyền trình bày ý kiến trái pháp luật được quy định tại Khoản 2 Điều 322 BLTTHS năm 2015.

- Thiết kế lại vị trí của kiểm sát viên đối diện với vị trí bàn người bào chữa cho bị cáo. Vị trí này đặt thấp hơn vị trí bàn ngồi của Thẩm phán, hội thẩm nhân dân nhằm tạo sự bình đẳng trong tham gia tố tụng của một bên buộc tội và bên kia là bên gỡ tội bởi việc bố trí, sắp xếp phiên tòa cũng phần nào thể hiện địa vị pháp lý của những người tham gia và tiến thành tố tụng. Việc bố trí sắp xếp tại phiên tòa cũng thể hiện tính uy nghiêm của pháp luật, qua đó tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật đến người dân một cách hiệu quả. Vì vậy, phòng xử án cần phải được bố trí để thể hiện được rằng Hội đồng xét xử là trung tâm của việc xét xử, được ngồi bàn riêng trên cùng dưới Quốc huy.

Vị trí của đại diện Viện kiểm sát phải đối diện với người bào chữa lùi hơn so với Hội đồng xét xử và gần bị cáo để có điều kiện thực hiện nhiệm vụ, thư ký phiên tòa phải được bố trí ở nơi thuận lợi nhất để có thể nghe rõ tất cả những người tiến hành và tham gia tố tụng để ghi biên bản phiên tòa, để có thể thực hiện sự liên hệ giữa Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình xét xử như chuyển tài liệu cho bị cáo, nhân chứng, các đương sự để xác nhận tại phiên tòa, chuyển chứng cứ, tài liệu do những người tham gia tố tụng xuất trình tại phiên tòa cho Hội đồng xét xử v.v...

Vị trí của bị cáo là sau vành móng ngựa, những người tham gia tố tụng khác mà lời khai có thể đối lập mâu thuẫn nhau như người bị hại, nguyên đơn, bị đơn dân sự, nhân chứng... tùy theo từng trường hợp được bố trí ở phòng cách ly và khai báo ở vị trí riêng với bị cáo. Cảnh sát bảo vệ phiên tòa cần bố trí chỗ ngồi gần bị cáo hoặc ngay sau bị cáo. Thực tế hiện nay vị trí ngồi của Kiểm sát viên và Luật sư tại các phiên tòa vẫn chưa bình đẳng với nhau.

- Đổi mới trình tự và trách nhiệm xét hỏi theo hướng kiểm sát viên và người bào chữa xét hỏi trước, hội đồng xét xử hỏi sau cùng và chủ tọa phiên tòa làm nhiệm vụ điều khiển việc xét hỏi, tranh luận giữa bên buộc tội và bên

bào chữa. Đồng thời, quy định rõ nguyên tắc bản án, quyết định của tòa án chỉ được căn cứ trên cơ sở kết quả thẩm vấn, tranh tụng và những chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa.

Việc tổ chức phiên tòa sao cần thể hiện rõ địa vị pháp lý (quyền và nghĩa vụ tố tụng) của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng. Phiên tòa phải đảm bảo để không những nghĩa vụ tố tụng mà các quyền tố tụng của những người tham gia tố tụng, nhất là của bị cáo được thực hiện đầy đủ.

Các cơ quan tiến hành tố tụng như Viện kiểm sát, Tòa án thực hiện đúng chức năng của mình được pháp luật quy định: Tòa án thực hiện chức năng xét xử thông qua việc xem xét đánh giá các chứng cứ buộc tội, chứng cứ gỡ tội do hai bên đưa ra tại phiên tòa để ra bản án hoặc quyết định giải quyết các vấn đề của vụ án. Viện kiểm sát thực hành quyền công tố phải chủ động hoàn toàn trong vấn đề buộc tội và chịu trách nhiệm về việc buộc tội đó theo pháp luật; phiên tòa phải được thể hiện trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc tố tụng nói chung và các quy định chung về xét xử nói riêng. Thực tế nếu tuân thủ không nghiêm chỉnh các nguyên tắc tố tụng hình sự thường dẫn đến những sai lầm nghiêm trọng. Phiên tòa phải được tiến hành theo đúng trình tự, thủ tục mà pháp luật quy định. Tránh trường hợp đơn giản hóa các quy định của pháp luật về thủ tục tố tụng tại phiên tòa từ giai đoạn bắt đầu phiên tòa đến thủ tục xét hỏi, giai đoạn tranh luận, nghị án và tuyên án. Các quy định này đảm bảo cho quá trình xét xử được chính xác, khách quan, đảm bảo cho những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về lương và chế độ chính sách Lương và chế độ chính sách đối với cán bộ ngành Tòa án cần được tăng lên đáp ứng đủ cho nhu cầu sinh hoạt bình thường. Cần nghiên cứu chế độ bổ nhiệm Thẩm phán suốt đời với mức

lương cao, kể cả sau khi nghỉ hưu. Cần quy định việc bãi miễn chỉ có thể được thực hiện thông qua việc cáo buộc. Khi thực hiện tốt các chế độ nêu trên sẽ đảm bảo đội ngũ cán bộ công chức ngành tòa án toàn tâm toàn ý với công việc của mình, thực hiện nhiệm vụ được giao hiệu quả cao.

- Tăng cường số lượng, chất lượng cho cán bộ ngành tòa án. Số lượng cán bộ ở các cơ quan xét xử hiện nay là quá ít so với số lượng án phải giải quyết. Cán bộ Tòa án luôn phải làm việc trong tình trạng quá tải. Cần sớm bổ sung biên chế cho ngành Tòa án và nâng cao về chuyên môn nghiệp vụ, phẩm chất chính trị, đạo đức, khuyến khích việc tự học tập nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ, đòi hỏi của cải cách tư pháp.

- Từ những số liệu thực tế và việc khảo sát tình hình xét xử tại các phiên tòa cho thấy một số phiên tòa việc tranh tụng còn diễn ra hình thức và hời hợt dẫn đến việc xét xử còn nhiều sai sót phải hủy, sửa bản án. Từ khi có Nghị quyết 08/NQ-TW, tranh tụng tại phiên tòa đã được Hội đồng xét xử, Kiểm sát viên, Luật sư thực hiện tốt hơn thể hiện ở những phiên tòa mẫu và nhiều phiên tòa khác. Tuy nhiên vẫn còn những phiên tòa diễn ra không đúng với tinh thần của tranh tụng, không đáp ứng đòi hỏi của cải cách tư pháp, việc xét hỏi diễn ra phiến diện hoặc vi phạm các quy định của pháp luật tố tụng về xét xử tại phiên tòa, không thận trọng xem xét đầy đủ các chứng buộc tội và gỡ tội..., phiên tòa nhiều khi diễn ra tẻ nhạt một chiều. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa chỉ như người chứng kiến không ý thức tranh tụng, kết luận của Kiểm sát viên theo một khuôn mẫu chung, chất lượng bào chữa của Luật sư tại phiên tòa chưa cao, ít có những bài bào chữa đặc sắc mà chỉ tập trung vào những tình tiết vụ án hoặc câu chữ v.v...

Tranh tụng tại phiên tòa có vai trò lớn trong việc xác định sự thật khách quan vụ án, tránh bỏ lọt tội phạm làm oan người vô tội. Trên thực tế đã có nhiều tồn tại làm cản trở tiến trình thực hiện tranh tụng. Do đó, cần có những

giải pháp đồng bộ và phù hợp để có thể nâng cao hiệu quả tranh tụng góp phần thực hiện thành công cải cách tư pháp. Cần hoàn thiện nhiều lĩnh vực khác nhau của pháp luật như những sửa đổi trong Bộ luật tố tụng hình sự, trong các văn bản pháp luật khác về các cơ quan tư pháp và hỗ trợ tư pháp, các văn bản pháp luật về tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát, Tòa án..., tạo ra những cơ chế đảm bảo cho thực hiện tranh tụng tại phiên tòa, có những chế độ về lương và chính sách phù hợp...

Tranh tụng tại phiên tòa có vai trò hết sức quan trọng, nó không chỉ là sự đánh giá kết quả hoạt động của các giai đoạn điều tra, truy tố mà còn có tác dụng to lớn đối với chính giai đoạn xét xử. Đây là cơ chế tối ưu nhất để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của bị cáo, đảm bảo việc truy tố, xét xử là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Do đó, Nghị quyết 08/NQ-TW ngày 2/1/2002 của Bộ Chính trị "Về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới" đã đề cập đến việc nâng cao chất lượng xét xử của Tòa án là khâu trung tâm đột phá, quyết định của hoạt động tư pháp, phán quyết của Tòa án phải căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

Kết luận Chương 3

Tranh tụng tại phiên tòa có vai trò lớn trong việc xác định sự thật khách quan vụ án, tránh bỏ lọt tội phạm làm oan người vô tội. Như vậy, để thực hiện tốt yêu cầu cải cách tư pháp, nâng cao hiệu quả tranh tụng tại phiên tòa xét xử vụ án hình sự cần có những giải pháp đồng bộ về nhiều mặt. Theo đó, tranh tụng phải được đưa lên thành một nguyên tắc trong hoạt động xét xử. Tòa án nên giữ vai trò là trọng tài phán quyết vụ án, để việc xét hỏi theo hướng buộc tội là của đại diện Viện kiểm sát việc xét hỏi theo hướng gỡ tội là của Luật sư bào chữa. Các quy định về trình tự thủ tục xét hỏi tại phiên tòa trong Bộ luật tố tụng hình sự cần phải sửa đổi theo hướng để cho các bên tranh tụng thực hiện trách nhiệm chứng minh và tiến hành xét hỏi là chủ yếu. Tòa án chỉ thực

hiện việc giám sát, duy trì trình tự xét hỏi và có quyền tham gia vào quá trình đó ở bất kỳ thời điểm nào khi thấy cần thiết phải làm sáng tỏ các tình tiết nào đó về vụ án chưa được các bên làm rõ trong quá trình xét hỏi.

Thẩm phán, Kiểm sát viên cần thực hiện đúng tinh thần chỉ đạo của Nghị quyết 08/NQ- TW, việc giải quyết của Tòa án phải căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của người bào chữa, bị cáo, nhân chứng, nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền, lợi ích hợp pháp để đưa ra những bản án, quyết định đúng pháp luật có sức thuyết phục.

Các cơ quan tiến hành tố tụng phải tạo điều kiện cho bị cáo biết được cụ thể, đầy đủ những chứng cứ, cơ sở pháp lý buộc tội bị cáo để bị cáo có thời gian chuẩn bị hoặc nhờ Luật sư tìm ra chứng cứ, lý lẽ, cơ sở pháp lý để thực hiện việc tranh luận tại phiên tòa.

Trình tự tiến hành phiên tòa phải theo đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự.

Theo Hiến pháp năm 2013 và Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 thì Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và thực hiện quyền tư pháp. Tòa án cần thực hiện tốt các vấn đề như: Hướng dẫn đường lối xét xử các vụ án hình sự theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự; tăng cường hoạt động hướng dẫn áp dụng pháp luật về lĩnh vực tranh tụng trong hoạt động xét xử; bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật trong hoạt động điều khiển tranh tụng tại phiên tòa; tăng cường tranh tụng giữa bên buộc tội và bên bào chữa theo hướng Tòa án giữ vị trí trọng tài giữa bên buộc tội và bên bào chữa; đề cao vai trò của người bào chữa trong hoạt động giai đoạn xét xử; kiểm sát viên cần nhận thức đầy đủ hoạt động thực hành quyền công tố đã được pháp luật quy định; trách nhiệm trong việc chứng minh tội phạm; việc chứng minh tội phạm phải dựa trên nguyên tắc

đảm bảo dân chủ, khách quan; đảm bảo quyền con người đã được ghi nhận trong Hiến pháp năm 2013; xây dựng cơ chế đảm bảo cho các quy định của pháp luật về quyền của luật sư được thực hiện trên thực tế; bổ sung các quy định bảo đảm tranh tụng như quy định chế tài áp dụng trường hợp vi phạm như không bảo đảm quyền bào chữa của bị cáo, không đảm bảo việc thực hiện tranh tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng; giảm bớt thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự của Tòa án nhằm để Tòa án tập trung vào chức năng xét xử và sẽ công tâm hơn khi xét xử; đề cao trách nhiệm của Kiểm sát viên hơn trong việc tranh tụng và trách nhiệm của Chủ tọa phiên tòa trong việc bảo đảm tranh tụng.

Nâng cao trình độ pháp luật cho những người tiến hành tố tụng; nâng cao trình độ về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng xét xử và đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ thẩm phán trong việc áp dụng pháp luật trong lĩnh vực tranh tụng; tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn để nâng cao trình độ và kỹ năng tranh tụng cho các luật sư bào chữa, người bảo vệ quyền lợi cho người bị tạm giữ, bị can, bị cáo và một số người tham gia tố tụng khác; tạo điều kiện cho Luật sư thực sự tranh tụng bình đẳng với Kiểm sát viên tại phiên tòa; cần có quy định rõ những trường hợp Luật sư được tiếp xúc riêng với bị can mà không có sự giám sát của giám thị trại giam hoặc của điều tra viên; cần xây dựng cơ chế đảm bảo cho các quy định của pháp luật về quyền của luật sư được thực hiện trên thực tế, cần xác định rõ thời điểm bắt đầu và kết thúc nghĩa vụ của Luật sư đối với bị can, bị cáo.

Tăng cường cơ sở vật chất, phương tiện cho các Tòa án, cần sắp xếp vị trí cho các bên tham gia tranh tụng một cách công bằng và thuận tiện khi tham gia tranh tụng tại phiên tòa; trang bị các thiết bị nghe, nhìn để giám sát diễn biến tại phiên tòa; đổi mới trình tự và trách nhiệm xét hỏi của kiểm sát viên và người bào chữa.

Có chế độ đã ngộ tương xứng đối với đội ngũ cán bộ ngành Tòa án, chế độ bổ nhiệm Thẩm phán suốt đời, đồng thời tăng cường số lượng, chất lượng cho cán bộ ngành tòa án.

KẾT LUẬN

Trong tố tụng hình sự chia làm hai giai đoạn là giai đoạn điều tra và giai đoạn xét xử. Kết quả điều tra như thế nào thì hướng xét xử như thế đó. Giai đoạn điều tra là chủ định, giai đoạn xét xử là hình thức. Hai giai đoạn có mối quan hệ mật thiết với nhau, làm tiền đề lẫn nhau: giai đoạn điều tra là mấu chốt chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho phán quyết; giai đoạn xét xử là tiếp tục kiểm tra chứng cứ.

Xét xử là chức năng quan trọng nhất của Tòa án nói riêng và của toàn bộ quá trình tố tụng hình sự nói chung nhằm áp dụng các biện pháp cần thiết do luật định để kiểm tra lại tính hợp pháp và có căn cứ của toàn bộ các quyết định của cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát đã thông qua trước khi chuyển hồ sơ sang Tòa án nhằm loại trừ những hậu quả tiêu cực của các sai sót, sai lầm hoặc lạm dụng đã bị bỏ lọt người, lọt tội, oai sai trong giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố, chuẩn bị đưa vụ án xét xử hoặc đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án.

Pháp luật tố tụng hình sự là cơ sở quan trọng nhất để việc thực hiện tranh tụng tại phiên tòa đạt hiệu quả nhưng thực tế cho thấy những quy định của pháp luật để tạo ra sự tranh tụng thực sự nghiêm túc và bình đẳng giữa các bên vẫn còn sơ hở, những cơ chế thực hiện nó cũng như những quy định khác của pháp luật tạo điều kiện cho quá trình tranh tụng còn thiếu và không đồng bộ. Bên cạnh đó, năng lực trình độ, phẩm chất đạo đức của những người tham gia vào quá trình tranh tụng chưa đáp ứng được với yêu cầu của tranh tụng, cơ sở vật chất còn nghèo nàn lạc hậu... Những nguyên nhân và tồn tại trên đang là những đòi hỏi cấp bách phải có những giải pháp đúng đắn và đồng bộ để tranh tụng tại phiên tòa thực sự được diễn ra hiệu quả nhất trên thực tế.

Tóm lại, nguyên tắc bảo đảm tranh tụng trong xét xử là một quy định mới mang tính đột phá trong lịch sử lập hiến của nước ta. Quy định này đặt ra

yêu cầu cao hơn, trách nhiệm hơn cho ngành Kiểm sát nhân dân (bên buộc tội). Vì vậy, ngành Kiểm sát nhân dân cần nghiêm túc triển khai thực hiện đảm bảo thượng tôn Hiến pháp và pháp luật, góp phần thực hiện mục tiêu "Xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa", qua đó giữ vững lòng tin của nhân dân, xây dựng xã hội công bằng, dân chủ. Tòa án đóng vai trò trọng tài phán quyết công bằng trên cơ sở tranh luận dân chủ, bình đẳng trong tranh tụng giữa hai bên tại phiên tòa. Bên cạnh đó, ta không thể không đề cập đến vai trò của bên bào chữa như người bị buộc tội, người bào chữa; phải luôn tạo sự bình đẳng của họ như Viện kiểm sát thực hiện chức năng giữa quyền công tố tại phiên tòa; bảo đảm tạo điều kiện họ có khả năng chứng minh không có tội, giảm nhẹ tội, giảm nhẹ hình phạt. Tăng cường các giải pháp cả ba chủ thể trên thì mới góp phần có hiệu trong cuộc đấu tranh phòng và chống tội phạm trong toàn xã hội.

Tranh tụng tại phiên tòa là một vấn đề lớn trong luật tố tụng hình sự. Tính phức tạp và nhiều mặt về nội dung, về sự thể hiện của nó không chỉ ở giai đoạn xét xử là những khó khăn cho những người nghiên cứu về chế định này. Vì nhiều lý do, đề tài này chưa có điều kiện đi sâu nghiên cứu một cách triệt để và toàn diện tất cả những vấn đề đang được thực tiễn xây dựng và áp dụng pháp luật đặt ra. Kết quả nghiên cứu của đề tài này hy vọng sẽ đóng góp một phần nhỏ bé về mặt lý luận và thực tiễn trong việc hoàn thiện và nâng cao hiệu quả tranh tụng tại phiên tòa xét xử vụ án hình sự, góp phần thực hiện thành công công cuộc cải cách tư pháp mà Đảng và Nhà nước ta đề ra

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chấp hành trung ương Đảng (2002), *Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 2/1/2002 của Bộ Chính trị "Về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới"*, Hà Nội;

2. Dương Thanh Biểu (2007), *Tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm*, NXB Tư Pháp Hà Nội.
3. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết 48/NQ-TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội;
4. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội;
5. Nguyễn Đức Mai (2009), *Đặc điểm mô hình tố tụng hình sự và Phương hướng hoàn thiện mô hình tố tụng hình sự Việt Nam*, Tạp chí Tòa án nhân dân (kỳ 1&2 tháng 12).
6. Nguyễn Thái Phúc (2007), *Mô hình tố tụng hình sự Việt Nam – Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Tạp chí Khoa học Pháp lý (số 5(42));
7. Quốc hội (2003), *Bộ luật Tố tụng hình sự Việt Nam năm 2003*, Hà Nội;
8. Quốc hội (2012), *Nghị quyết số 37/2012/QH13 ngày 23/11/2012 của Quốc hội “về công tác phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm, công tác của Viện kiểm sát nhân dân, của Tòa án nhân dân và công tác Thi hành án năm 2013”*, Hà Nội;
9. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sửa đổi năm 2013)*, Hà Nội;
10. Quốc hội (2013), *Nghị quyết số 63/2013/QH13 ngày 27/11/2013 của Quốc hội “về tăng cường các biện pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm”*, Hà Nội;
11. Quốc hội (2014), *Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014*, Hà Nội;
12. Quốc hội (2015), *Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*, Hà Nội;

13. Nguyễn Thị Thủy (2014), *Mô hình tố tụng hình sự Việt Nam và những vấn đề áp dụng tranh tụng*, Luận án tiến sĩ luật học, khoa luật – Đại học quốc gia Hà Nội;
14. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2003 đến năm 2015, *Báo cáo tổng kết hàng năm của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2003 đến năm 2015*.
15. Tòa án nhân dân tối cao (2002), *Kết luận số 290 của Tòa án nhân dân tối cao về hội thảo "Tranh tụng tại phiên tòa hình sự"*, Hà Nội;
16. Tòa án nhân dân tối cao, *Báo cáo tổng kết hàng năm của Tòa án nhân dân tối cao từ năm 2003 đến năm 2015*.
17. Ủy ban thường vụ quốc hội (2003), *Nghị quyết 388/2003/NQ-UBTVQH ngày 17 tháng 3 năm 2003*, Hà Nội;
18. Trịnh Tiến Việt (2012), *Cải cách tư pháp và các giải pháp phòng, chống oan, sai trong tố tụng hình sự*, Tạp chí Tòa án nhân dân (số 3,4);
19. Võ Khánh Vinh (chủ biên) (2011), *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự*, NXB Tư Pháp Hà Nội.